

KỶ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC GIA 2018

**NGHIÊN CỨU VÀ GIẢNG DẠY NGOẠI NGỮ,  
NGÔN NGỮ & QUỐC TẾ HỌC TẠI VIỆT NAM**



ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

KỶ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC GIA 2018

**NGHIÊN CỨU VÀ GIẢNG DẠY NGOẠI NGỮ,  
NGÔN NGỮ & QUỐC TẾ HỌC TẠI VIỆT NAM**

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI



## MỤC LỤC

|                                                                                                                                                                                                       |    |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| LỜI GIỚI THIỆU .....                                                                                                                                                                                  | 11 |
| 1. CƠ SỞ ĐỂ NGHIÊN CỨU VIỆC DẠY ĐỌC NGÔN NGỮ THỨ HAI<br>William Grabe, Đại học Bắc Arizona .....                                                                                                      | 13 |
| 2. MỘT CÁCH TIẾP CẬN TRONG GIẢNG DẠY MÔN PHÂN TÍCH ĐÁNH GIÁ BẢN DỊCH<br>Đỗ Lan Anh .....                                                                                                              | 20 |
| 3. NGHIÊN CỨU HÀNH ĐỘNG VỀ PHẢN HỒI CỦA SINH VIÊN ĐỐI VỚI CÁC HOẠT ĐỘNG NHẬP VAI ROLE-PLAY<br>ĐỂ PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG NÓI TIẾNG ANH<br>Nguyễn Lan Anh.....                                              | 20 |
| 4. VIỆT NAM VỚI CẠNH TRANH QUYỀN LỰC MỸ - TRUNG<br>Nguyễn Ngọc Anh .....                                                                                                                              | 21 |
| 5. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG NHÓM HIỆU QUẢ TRONG DẠY VÀ HỌC NGOẠI NGỮ<br>Lưu Thị Kim Anh .....                                                                                                                | 21 |
| 6. TIÊU CHUẨN NĂNG LỰC QUỐC GIA (NCS) CỦA HÀN QUỐC<br>Hoàng Thị Hải Anh.....                                                                                                                          | 22 |
| 7. ĐỀ XUẤT TIÊU CHÍ LỰA CHỌN BÀI ĐỌC HIỂU TRONG GIẢNG DẠY KĨ NĂNG ĐỌC HIỂU TIẾNG PHÁP<br>Hoàng Thị Bích .....                                                                                         | 22 |
| 8. HÀNH ĐỘNG CHO TẶNG VÀ BIỂU THỨC NGỮ VI CỦA HÀNH ĐỘNG CHO TẶNG<br>Chữ Thị Bích.....                                                                                                                 | 23 |
| 9. CÁC THAM SỐ THÀNH LẬP KHO NGỮ LIỆU MÁY TÍNH<br>Lâm Thị Hoà Bình .....                                                                                                                              | 23 |
| 10. VỀ “NHIỆM VỤ” TRONG GIÁO TRÌNH “ALTER EGO”<br>Trần Đình Bình .....                                                                                                                                | 24 |
| 11. LÀN SÓNG K-DRAMA TỪ MỘT GÓC NHÌN<br>Vũ Thị Chín .....                                                                                                                                             | 24 |
| 12. MỘT SỐ LỖI THƯỜNG GẶP TRONG VIỆC VIẾT TIN CỦA PHÓNG VIÊN<br>TẠI ĐÀI TRUYỀN THANH - TRUYỀN HÌNH HUYỆN ĐẠI LỘC, TỈNH QUẢNG NAM<br>Nguyễn Ngọc Chinh, Nguyễn Ngọc Nhật Minh, Trần Thị Bích Liễu..... | 25 |
| 13. GIA ĐÌNH NGA: TRUYỀN THỐNG VÀ HIỆN ĐẠI<br>Nguyễn Thị Cơ, Nguyễn Thị Mai .....                                                                                                                     | 25 |
| 14. GIAO TIẾP LIÊN VĂN HÓA TRONG XU THẾ TOÀN CẦU HÓA<br>Nguyễn Đình Cường .....                                                                                                                       | 26 |

|                                                                                                                                                                                                       |    |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| 15. GIAO THOA VĂN HOÁ VÀ DẠY – HỌC NGOẠI NGỮ TRONG XU THẾ ĐỐI THOẠI VĂN HOÁ GIỮA CÁC DÂN TỘC<br>Dương Quốc Cường .....                                                                                | 26 |
| 16. ẢN DỤ Ý NIỆM “THỜI TIẾT” TRONG TIẾNG VIỆT VÀ TIẾNG ANH<br>Đỗ Thị Hồng Diệu, Trần Thị Phương Lý .....                                                                                              | 27 |
| 17. YẾU TỐ TRUNG QUỐC TRONG QUAN HỆ VIỆT – MỸ DƯỚI THỜI TỔNG THỐNG DONALD TRUMP<br>Nguyễn Võ Huyền Dung.....                                                                                          | 27 |
| 18. KHẢO SÁT PHÓ TỪ TẦN SUẤT “连连” VÀ “一连”<br>TRÊN BÌNH DIỆN NGỮ PHÁP VÀ ĐẶC TRƯNG NGỮ NGHĨA<br>Đoàn Thị Dung .....                                                                                    | 28 |
| 19. MỘT VÀI ĐẶC ĐIỂM NGỮ NGHĨA CỦA HÌNH THÁI DĨ THÀNH TIẾNG ANH<br>Trương Thị Anh Đào .....                                                                                                           | 28 |
| 20. NGHIÊN CỨU THEO QUAN ĐIỂM NGÔN NGỮ HỌC CHỨC NĂNG HỆ THỐNG<br>VỀ CÁCH DÙNG TỪ NHẤN MẠNH (INTENSIFIERS) TRONG BÀI LUẬN TIẾNG ANH CỦA SINH VIÊN<br>Trần Hoài Giang.....                              | 29 |
| 21. ỨNG DỤNG LÝ THUYẾT DỊCH NGHĨA NGÔN BẢN TRONG DỊCH THUẬT NGỮ Y HỌC ỨNG DỤNG<br>Trần Thị Hà Giang .....                                                                                             | 29 |
| 22. RÈN LUYỆN KỸ NĂNG TỰ HỌC CHO SINH VIÊN SỰ PHẠM NGOẠI NGỮ<br>- CẦU NỐI NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG TỰ HỌC CHO GIÁO VIÊN TRUNG HỌC PHỔ THÔNG<br>Trần Thị Hà Giang .....                                     | 30 |
| 23. SO SÁNH TRỢ ĐỘNG TỪ CHỈ KHẢ NĂNG “能” VÀ MỘT SỐ PHƯƠNG THỨC BIỂU ĐẠT KHẢ NĂNG ĐIỂN HÌNH KHÁC<br>TRONG TIẾNG HÁN HIỆN ĐẠI<br>Vũ Thị Hà .....                                                        | 30 |
| 24. TÍNH KHẢ THI TRONG VIỆC ỨNG DỤNG PHƯƠNG PHÁP TÁC ĐỘNG LÊN XÚC GIÁC EHIỆP<br>(ESSENTIAL HAPTIC-INTEGRATED ENGLISH PRONUNCIATION) VÀO DẠY VÀ HỌC TRỌNG ÂM CÂU TRONG TIẾNG ANH<br>Hà Thị Vũ Hà ..... | 31 |
| 25. NGÔN NGỮ THANH THIẾU NIÊN ĐỨC VÀ VIỆT NAM ỨNG DỤNG GIẢNG DẠY NGÔN NGỮ THANH THIẾU NIÊN<br>TRONG GIỜ HỌC TIẾNG ĐỨC<br>Đào Hải Hà .....                                                             | 31 |
| 26. CÁC TỪ СИНИЙ, ЗЕЛЁНЫЙ VÀ CÁC TỪ PHÁI SINH ĐỐI CHIẾU<br>VỚI CÁC ĐƠN VỊ TỪ VỰNG TƯƠNG ĐƯƠNG TRONG TIẾNG VIỆT<br>Nguyễn Thị Thanh Hà .....                                                           | 32 |
| 27. TRƯỜNG HỢP ĐỒNG ÂM CỦA “HONG” TRONG TIẾNG HÁN VÀ “HÔNG” TRONG TIẾNG VIỆT<br>Phạm Ngọc Hàm .....                                                                                                   | 32 |
| 28. SỬ DỤNG CÁC TÁC PHẨM VĂN HỌC TRONG GIẢNG DẠY TIẾNG ANH ĐỂ TĂNG ĐỘNG LỰC HỌC TẬP<br>CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ, ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI<br>Nguyễn Thúy Hạnh.....                       | 33 |

|                                                                                                                                                                                                              |    |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| 29. CÁC ĐƯỜNG HƯỚNG LÝ THUYẾT VÀ ỨNG DỤNG TRONG XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH CÁC MÔN HỌC THỰC HÀNH TIẾNG TẠI KHOA SƯ PHẠM TIẾNG ANH TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI<br>Nguyễn Thị Thu Hằng ..... | 33 |
| 30. NHỮNG KHÓ KHĂN SINH VIÊN VIỆT NAM THƯỜNG GẶP TRONG VIỆC PHÂN BIỆT, SỬ DỤNG TÊN RIÊNG CỦA NGƯỜI NGA VÀ CÁCH KHẮC PHỤC<br>Hoàng Thị Hằng.....                                                              | 34 |
| 31. TỪ MỘT THỬ NGHIỆM - DỰ ÁN DISCOVERY - CHO SINH VIÊN SPTA CHẤT LƯỢNG CAO: GIÁO DỤC THEO ĐỊNH HƯỚNG CHUẨN BỊ CHO TƯƠNG LAI<br>Nguyễn Thu Lê Hằng .....                                                     | 34 |
| 32. THỰC HÀNH NGỮ PHÁP TIẾNG ANH QUA CÁC HOẠT ĐỘNG NGÔN NGỮ SÁNG TẠO<br>Trần Thị Thu Hiền.....                                                                                                               | 35 |
| 33. ĐỐI SÁNH NHƯ LÀ BƯỚC ĐỆM TRONG VIỆC THAM GIA VÀO BẢNG XẾP HẠNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ<br>Phạm Hùng Hiệp, Vũ Minh Huyền.....                                                                                     | 35 |
| 34. GIỌNG ĐIỀU GIẢI BÀY TRONG THƠ CÔNG GIÁO VIỆT NAM HIỆN ĐẠI<br>Nguyễn Thị Kim Hồng.....                                                                                                                    | 35 |
| 35. GIẢNG DẠY TIẾNG PHÁP DU LỊCH TẠI KHOA NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA PHÁP<br>Bùi Thị Thu Hương .....                                                                                                                | 36 |
| 36. KHÁI LƯỢC VỀ CHỮ VIẾT VIỆT NAM QUA CÁC THỜI KỲ LỊCH SỬ<br>Nguyễn Thị Thu Hương .....                                                                                                                     | 36 |
| 37. NGHIÊN CỨU TÌNH HUỐNG VỀ SINH VIÊN NỮ NGƯỜI MỸ GỐC Á: BẢN DANH VÀ QUAN NIỆM VỀ VAI TRÒ GIỚI CỦA HỌ TRONG SỰ GIAO THOA GIỮA TÔN GIÁO, VĂN HÓA, SẮC TỘC VÀ GIỚI TÍNH<br>Hoàng Thị Thanh Huyền .....        | 37 |
| 38. HOẠT ĐỘNG CHỮA BÀI LUẬN TIẾNG ANH CỦA GIÁO VIÊN VÀ CHẤT LƯỢNG TIẾN BỘ TRONG KỸ NĂNG VIẾT CỦA NGƯỜI HỌC: MỘT ĐÁNH GIÁ TỔNG QUAN<br>Phạm Thị Thu Huyền .....                                               | 37 |
| 39. PHẢN HỒI CỦA SINH VIÊN KHOA SƯ PHẠM TIẾNG ANH, TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ, ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI VỚI HOẠT ĐỘNG ĐỌC RỘNG ĐỂ HỌC TỪ VỰNG<br>Phạm Văn Khoa.....                                             | 38 |
| 40. HÌNH ẢNH “CHÓ” VÀ “MÈO” TRONG CÁC THÀNH NGỮ TIẾNG VIỆT VÀ TIẾNG NGA<br>Nguyễn Thị Hương Lan .....                                                                                                        | 38 |
| 41. ẨN DỤ Ý NIỆM CẢM XÚC “VUI” TRONG THÀNH NGỮ TIẾNG PHÁP VÀ TIẾNG VIỆT<br>Bùi Thị Ngọc Lan.....                                                                                                             | 39 |
| 42. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY: ĐỊNH HƯỚNG TỪ BÀI THI CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH?<br>Nguyễn Thúy Lan.....                                                                                                             | 39 |
| 43. PHẢN HỒI CỦA NGƯỜI HỌC VỀ HÌNH THỨC KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ MÔN BIÊN DỊCH VÀ BIÊN DỊCH NÂNG CAO<br>Tống Thị Mỹ Liên .....                                                                                     | 40 |

|                                                                                                                                                                                                   |    |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| 44. MỨC ĐỘ HIỂU BIẾT CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG<br>VỀ DỊCH CHUYỂN LAO ĐỘNG TRONG ASEAN: THỰC TRẠNG VÀ KIẾN NGHỊ<br>Lê Thị Phương Loan, Võ Thị Giang .....           | 40 |
| 45. ỨNG DỤNG BÀI TẬP NGHE CHÍNH TẢ ĐỂ HỖ TRỢ NÂNG CAO KỸ NĂNG NGHE TIẾNG ANH<br>CỦA SINH VIÊN CHUYÊN NGỮ NĂM THỨ NHẤT<br>Nguyễn Văn Long, Võ Nguyễn Thùy Trang .....                              | 41 |
| 46. SỬ DỤNG NGHIÊN CỨU ĐIỂN HÌNH TRONG GIẢNG DẠY TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI:<br>PHẢN HỒI TỪ NGƯỜI TRONG CUỘC<br>Phạm Ngọc Khánh Ly .....                                                                | 41 |
| 47. TRUYỆN TRANH VỚI TRẺ EM TRONG THỜI KỶ HỘI NHẬP<br>Ngô Thanh Mai .....                                                                                                                         | 42 |
| 48. DƯỢC TÍNH CA QUÁT - CUỐN SÁCH QUÝ TRONG GIẢNG DẠY CHỮ HÁN, CHỮ NÔM<br>VÀ NHỮNG TRI THỨC GIÁ TRỊ VỀ Y HỌC TRUYỀN THỐNG Ở NƯỚC TA<br>Đình Thị Thanh Mai .....                                   | 42 |
| 49. VẬN DỤNG CÁC ĐOẠN HỘI THOẠI SỰ PHẠM GIÀU TÍNH NGÔN NGỮ XÃ HỘI HỌC TRONG GIẢNG DẠY TIẾNG ANH<br>Nguyễn Ngọc Nhật Minh .....                                                                    | 43 |
| 50. NHỮNG KHÓ KHĂN SINH VIÊN VIỆT NAM THƯỜNG GẶP PHẢI KHI HỌC TIẾNG NGA VÀ CÁCH KHẮC PHỤC<br>Lê Quỳnh Nga .....                                                                                   | 43 |
| 51. QUẢN TRỊ BẰNG MỤC TIÊU ĐỂ KHƠI NGUỒN DOPAMINE NỘI SINH, GIA TĂNG HỨNG THÚ HỌC TẬP<br>Nguyễn Thị Hằng Nga, Nguyễn Thị Hợp, Nguyễn Ngọc Toàn .....                                              | 44 |
| 52. HÌNH TƯỢNG NGƯỜI MỸ GỐC Á TRONG TIẾT MỤC HÀI ĐỘC THOẠI BỞI NGƯỜI MỸ GỐC Á<br>Phạm Kiều Ngân, Trương Minh Hằng .....                                                                           | 44 |
| 53. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HỨNG THÚ HỌC TIẾNG NGA CHO SINH VIÊN NĂM THỨ 2 - KHOA NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA NGA<br>- TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI<br>Phạm Dương Hồng Ngọc ..... | 45 |
| 54. TRẠNG TỪ TIẾNG ANH VÀ PHỤ TỪ TIẾNG VIỆT<br>Võ Tú Phương .....                                                                                                                                 | 45 |
| 55. UYỂN NGỮ TRONG GIAO TIẾP TIẾNG VIỆT<br>Võ Tú Phương, Nguyễn Thị Hồng Văn .....                                                                                                                | 46 |
| 56. ỨNG DỤNG VIDEO TRONG VIỆC NÂNG CAO KỸ NĂNG THUYẾT TRÌNH CHO SINH VIÊN<br>Phạm Thị Phượng .....                                                                                                | 46 |
| 57. KHAI THÁC TÀI LIỆU NGUYÊN BẢN TRONG GIẢNG DẠY NGOẠI NGỮ: NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP VĂN BẢN QUẢNG CÁO<br>Đào Thị Thanh Phượng .....                                                                | 47 |
| 58. PHẢN HỒI CỦA DU HỌC SINH NHẬT VỀ HÌNH ẢNH KHUÔN MẪU CON NGƯỜI NHẬT BẢN<br>DƯỚI GÓC NHÌN CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI<br>Đỗ Như Quỳnh .....                | 47 |



|                                                                                                                                                                              |    |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| 59. HỖ TRỢ “KHỞI NGHIỆP” NGHIÊN CỨU VÀ XUẤT BẢN QUỐC TẾ<br>DÀNH CHO GIẢNG VIÊN TRẺ TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI<br>Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh .....     | 48 |
| 60. MỘT SỐ Ý NGHĨA BIỂU TRƯNG TRONG TRƯỜNG TỪ VỰNG SHUI TIẾNG HÁN VÀ NƯỚC TIẾNG VIỆT<br>Cầm Tú Tài, Vũ Phương Thảo .....                                                     | 48 |
| 61. NHẬN THỨC VỀ LIÊN VĂN HÓA VÀ ĐA VĂN HÓA TRONG DẠY VÀ HỌC TIẾNG ANH GIAO TIẾP<br>Tống Hưng Tâm .....                                                                      | 49 |
| 62. PHÂN BIỆT NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ NGHIÊN CỨU NHÂN VĂN<br>Phùng Hà Thanh.....                                                                                              | 49 |
| 63. NGHIÊN CỨU THUẬT NGỮ: MỘT CÁCH TIẾP CẬN HẬU CẤU TRÚC LUẬN<br>Lê Hùng Tiến .....                                                                                          | 50 |
| 64. CHUYỂN DI NGÔN NGỮ TRONG QUÁ TRÌNH HỌC NGỮ ÂM TIẾNG ANH CỦA SINH VIÊN NGÀNH SƯ PHẠM TIẾNG ANH<br>TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM TRUNG ƯƠNG NHA TRANG<br>Lê Thị Hoài Thanh ..... | 50 |
| 65. ĐẶC TRƯNG LƯỢT LỜI CỦA NGƯỜI HỌC TIẾNG PHÁP TRONG CUỘC THOẠI KHÔNG CÓ NGƯỜI BẢN NGỮ<br>Đỗ Kim Thành.....                                                                 | 51 |
| 66. VĂN HÓA TRUNG HOA TRONG GIẢNG DẠY TIẾNG TRUNG QUỐC CHO SINH VIÊN NGOẠI NGỮ<br>Đỗ Thị Thanh .....                                                                         | 51 |
| 67. KỸ THUẬT DIỄN GIẢI ĐƯỢC SỬ DỤNG TRONG BÀI VIẾT CỦA SINH VIÊN VIỆT NAM HỌC TIẾNG ANH NHƯ MỘT NGOẠI NGỮ<br>Lê Hương Thảo .....                                             | 52 |
| 68. KỸ NĂNG ĐỌC TRONG DẠY VÀ HỌC NGOẠI NGỮ<br>Nguyễn Huy Thịnh.....                                                                                                          | 52 |
| 69. DẠY VIẾT TIỂU LUẬN - GIẢI PHÁP VÀ KINH NGHIỆM<br>Nguyễn Phú Thọ .....                                                                                                    | 53 |
| 70. KHẢO SÁT NĂNG LỰC TỰ CHỦ TRONG HỌC NGOẠI NGỮ CỦA SINH VIÊN MỘT SỐ TRƯỜNG ĐẠI HỌC Ở HÀ NỘI<br>Đình Thị Hồng Thu .....                                                     | 53 |
| 71. TIÊU CHÍ CHỌN NGÀNH NGÔN NGỮ ANH CỦA SINH VIÊN NĂM THỨ NHẤT<br>TẠI MỘT SỐ TRƯỜNG ĐẠI HỌC Ở PHÍA NAM<br>Lê Thị Thu, Trần Thị Kim Tuyến.....                               | 54 |
| 72. ỨNG DỤNG PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC THÔNG QUA THỰC HÀNH DẠY TRONG GIỜ HỌC KHẨU NGỮ TIẾNG HÁN TRUNG CẤP<br>Nguyễn Hà Thu.....                                                    | 54 |
| 73. TỔNG QUAN VỀ GIẢNG DẠY PHÁT ÂM DƯỚI ẢNH HƯỞNG CỦA TIẾNG ANH THẾ GIỚI<br>Nguyễn Thanh Thủy.....                                                                           | 55 |
| 74. VIỆC SỬ DỤNG CHIẾN LƯỢC ĐỌC THEO MÔ HÌNH S2R<br>TRONG ĐỌC HIỂU VĂN BẢN TIẾNG ANH THÔNG DỤNG CỦA SINH VIÊN VIỆT NAM<br>Nguyễn Thị Bích Thủy .....                         | 55 |

|                                                                                                                                                                                            |    |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| 75. NHỮNG THAY ĐỔI VỀ THÁI ĐỘ VÀ SỐ LỖI TRONG BÀI VIẾT TIẾNG ANH<br>CỦA SINH VIÊN SAU KHI ĐƯỢC SỬA HOẶC CHỈ RA LỖI<br>Hoàng Nguyễn Thu Trang .....                                         | 56 |
| 76. NGHIÊN CỨU HÀNH ĐỘNG VỀ VIỆC SỬ DỤNG DỊCH NGỮ PHÁP (DICTOGLOSS)<br>VÀO DẠY KĨ NĂNG NGHE CHO SINH VIÊN KHÔNG CHUYÊN TIẾNG ANH TẠI ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI<br>Trần Thị Huyền Trang ..... | 56 |
| 77. DẠY HỌC NGỮ PHÁP GIAI ĐOẠN SƠ CẤP TẠI KHOA NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA TRUNG QUỐC<br>- TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ, ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI<br>Hoàng Thị Thu Trang .....                          | 57 |
| 78. VAI TRÒ CỦA QUẢNG CÁO CÔNG ÍCH VỚI SỰ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI VIỆT NAM<br>Lê Thị Thu Trang .....                                                                                             | 57 |
| 79. THẨM ĐỊNH KHUNG NĂNG LỰC ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ DÀNH CHO GIẢNG VIÊN TIẾNG ANH<br>Đoàn Thị Thu Trang .....                                                                         | 58 |
| 80. NGÔN NGỮ VÀ GIỌNG ĐIỆU TẠO DỰNG CÁI ĐẸP THIÊN NHIÊN VÀ CÁI ĐẸP CON NGƯỜI TRONG TRUYỆN NGẮN NGUYỄN TUÂN<br>Nguyễn Hoàng Phương Trinh, Nguyễn Ngọc Chinh .....                           | 58 |
| 81. NHAN ĐỀ TÁC PHẨM TRONG CÁC SÁNG TÁC CỦA NGUYỄN NGỌC TƯ<br>Nguyễn Thanh Tuấn, Nguyễn Ngọc Chinh .....                                                                                   | 59 |
| 82. Ý NGHĨA ẨN DỤ CỦA TỪ “吃” TRONG TIẾNG HÁN VÀ TỪ “ĂN” TRONG TIẾNG VIỆT<br>Phạm Thị Minh Tường .....                                                                                      | 59 |
| 83. SƠ ĐỒ TƯ DUY - CÔNG CỤ TẠO ĐỘNG LỰC CHO GIÁO SINH SƯ PHẠM NGOẠI NGỮ<br>Ở MÔN HỌC PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH<br>Nguyễn Thị Thanh Vân .....                            | 60 |
| 84. BÀN VỀ ỨNG DỤNG MÔ HÌNH “LỚP HỌC ĐẢO NGƯỢC”<br>TRONG GIẢNG DẠY NGOẠI NGỮ THỨ HAI - TIẾNG TRUNG QUỐC<br>Lưu Hớn Vũ .....                                                                | 60 |
| 85. ỨNG DỤNG PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU HÀNH ĐỘNG VÀO HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC<br>NHẪM NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIẢNG DẠY MÔN TIẾNG TRUNG QUỐC TỔNG HỢP<br>Trần Khai Xuân, Phạm Ngọc Đăng .....            | 61 |
| 86. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC RÈN KĨ NĂNG VIẾT THEO CÁC BẬC NHẬN THỨC CỦA TƯ DUY<br>(CHO NGƯỜI HỌC TIẾNG HÀN TRÌNH ĐỘ SƠ CẤP 1)<br>Hoàng Thị Yến, Nguyễn Thanh Hoa .....                         | 61 |
| 87. TÍNH HIỆU QUẢ CỦA VIỆC THỰC HÀNH TỔ CHỨC SỰ KIỆN TRONG MÔN HỌC TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH 1<br>ĐỐI VỚI SINH VIÊN NGÀNH BIÊN PHIÊN DỊCH<br>Nguyễn Thị Bạch Yến .....                        | 62 |

## LỜI GIỚI THIỆU

Ngày 10 tháng 4 năm 2018, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội long trọng tổ chức Hội thảo khoa học quốc gia “Nghiên cứu và giảng dạy ngoại ngữ, ngôn ngữ & quốc tế học tại Việt Nam”. Với 130 bài báo gửi tới Hội thảo, 72 bài được lựa chọn đăng toàn văn kỹ yếu, một lần nữa các nhà khoa học, các nhà giáo, các cán bộ nghiên cứu đến từ các đơn vị trong cả nước như: Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng, Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế, Trường Đại học Thương mại, Trường Đại học Ngoại ngữ & Tin học Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, Trường Đại học Khánh Hòa, Trường Đại học Hải Phòng, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Hùng Vương Phú Thọ, Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Nha Trang, Trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật Thương mại, Trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Hạ Long, Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng, Trường Đại học Sài Gòn, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Trường Đại học KHXH & NV - ĐHQGHN, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng, Trường Đại học Đồng Tháp, Trường Đại học Tây Nguyên v.v... đã mang tới Hội thảo những kết quả nghiên cứu đặc sắc, những góc nhìn mới lạ, những kinh nghiệm, tâm huyết và cả những ý tưởng nghiên cứu vừa chớm nở về các lĩnh vực như ngôn ngữ học, quốc tế học, giáo dục ngoại ngữ, và một số lĩnh vực liên quan khác.

Phát huy truyền thống những lần hội thảo trước, nội dung các bài báo trong lĩnh vực ngôn ngữ và giảng dạy ngoại ngữ lần này có độ phủ khá rộng, bao gồm nghiên cứu bản thể ngôn ngữ, đối chiếu ngôn ngữ, văn hoá và dịch thuật, giao tiếp liên văn hoá, phương pháp dạy – học các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, dịch, các vấn đề về giáo trình học liệu và thực tập, ứng dụng công nghệ trong giảng dạy và nghiên cứu... Các bài báo về quốc tế học cũng rất đa dạng, từ các vấn đề cụ thể của một quốc gia như năng lực quốc gia Hàn Quốc, đến sự chuyển dịch lao động trong ASEAN, việc xếp hạng đại học quốc tế và cả những vấn đề rất thời sự liên quan đến quan hệ giữa Việt Nam, Mỹ và Trung Quốc. Không chỉ rộng và đa dạng, nhiều bài báo đã thể hiện sự dày dặn kinh nghiệm trong phương pháp nghiên cứu, sự tỉ mỉ, cẩn trọng trong thu thập và xử lý dữ liệu, sự chuyên sâu trong phân tích và đưa ra các kết luận có giá trị khoa học và thực tiễn.

Các báo cáo in trong cuốn Kỷ yếu đều đã được các tác giả nghiên cứu, chỉnh sửa nghiêm túc sau góp ý phản biện của Hội đồng thẩm định. Cấu trúc của cuốn Kỷ yếu lần này có sự điều chỉnh khác với kỷ yếu các hội thảo trước: mọi báo cáo không phân biệt lĩnh vực hay loại hình nghiên cứu, đều được sắp xếp theo trật tự tên tác giả. Chúng tôi hy vọng với cách sắp xếp này, quý vị độc giả sẽ dễ dàng tìm đọc được báo cáo của tác giả mình quan tâm.

Ban tổ chức Hội thảo khoa học quốc gia năm 2018 “Nghiên cứu và giảng dạy ngoại ngữ, ngôn ngữ & quốc tế học tại Việt Nam” xin chân thành cảm ơn sự quan tâm, ủng hộ và nhiệt huyết viết bài, tham dự Hội thảo của các nhà khoa học, các thầy cô giáo và các cán bộ nghiên cứu trên cả nước. Chính sự say mê khoa học của các quý vị đã đảm bảo cho sự thành công của Hội thảo. Xin cảm ơn tinh thần làm việc tận tình, trách nhiệm, khoa học của Hội đồng thẩm định, Ban biên tập và Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội để cuốn Kỷ yếu được đến tay bạn đọc đúng ngày Hội thảo diễn ra với hình thức và chất lượng học thuật tốt nhất.

Trân trọng!

**Ban tổ chức Hội thảo**

# CƠ SỞ ĐỂ NGHIÊN CỨU VIỆC DẠY ĐỌC NGÔN NGỮ THỨ HAI

William Grabe, Đại học Bắc Arizona

william.grabe@nau.edu

## GIỚI THIỆU

1. Điều kỳ diệu của việc đọc
2. Định nghĩa Đọc và cơ sở tri nhận của việc đọc
3. “Kết cấu đọc” – mục tiêu phát triển năng lực đọc
4. Trình độ chuyên môn và đọc: Có huấn luyện viên tốt
5. Đọc trong ngôn ngữ thứ nhất và thứ hai, và nghiên cứu về đọc ngôn ngữ thứ hai
6. Gợi ý qua nghiên cứu đối với công tác giảng dạy và nội dung giảng dạy

## ĐIỀU KỲ DIỆU

Trong thực tế, khả năng đọc trôi chảy thật là **kỳ diệu**. Bộ óc của chúng ta không được thiết kế để đọc. Năng lực đọc hiểu không phải là năng lực tự nhiên bởi đó không phải là một trong những quá trình trưởng thành tự động của con người, mà kỹ năng đọc thông thạo phải được truyền thụ từ thế hệ này sang thế hệ khác về mặt văn hóa (Dronjic & Bitan, 2016, Seidenberg, 2017). Song rất nhiều người trong chúng ta, từ thế hệ này sang thế hệ khác, đã học cách nhìn những hình thức đồ họa trên trang giấy rồi trí óc chúng ta cố diễn giải nó, dịch nó sang ngôn ngữ của chúng ta, bất kể đó là ngôn ngữ gì.

Là những người đọc thông thạo, chúng ta thực hiện công việc này thậm chí với tốc độ còn nhanh hơn năng lực nghe thông thạo của chúng ta. Còn đáng ngạc nhiên hơn là chúng ta có thể thực hiện nhiều giờ liền nếu muốn, và chúng ta thường đọc để thưởng thức! Dưới đây là lý do tại sao việc đọc lại là điều kỳ diệu.

### Trong 2 giây, một người đọc tốt ...

1. Tập trung và nhận biết được khoảng 10 từ khác nhau;
2. Chiết xuất thông tin ngữ pháp từ những từ này (chẳng hạn như ai đang làm gì đối với ai và như thế nào);
3. Sử dụng bối cảnh ngữ pháp và các dấu hiệu để xác định đúng nghĩa từ (thực từ thường đa nghĩa và thay đổi nghĩa khi được dùng như động từ, danh từ, v.v.)
4. Tạo lập các đơn vị ý tưởng bậc đoạn ngữ và mệnh đề để cấu tạo đơn vị cú lớn hơn;
5. Tìm ra những mối liên hệ giữa những đơn vị đoạn ngữ và mệnh đề mới và cũ để xem thông tin trùng ở đâu (để xây dựng tập hợp các đơn vị nghĩa và ý chính được gắn kết mạch lạc với nhau);
6. Xác định ý chính qua cấu trúc văn bản và từ ngữ đánh dấu, hoặc qua các thông tin và ý tưởng lặp đi lặp lại một cách nhất quán;
7. Xác định ý chính mới xuất hiện gắn kết với sự phát triển nghĩa chung của văn bản như thế nào;
8. Sử dụng tri thức nền phù hợp để hiểu rõ hơn;
9. Theo dõi ý hiểu của mình và nhận thức được những chỗ chưa hiểu;
10. Điều chỉnh chiến lược xử lý thông tin nếu cần;
11. Đánh giá thông tin và khả năng ứng dụng thông tin đó;
12. Xác định xem thông tin đó có hấp dẫn, hữu ích, và/hoặc quan yếu với nhiệm vụ hay không;
13. Xác định xem mình có thích thông tin đó hay không;
14. Quyết định có đọc tiếp hay không.

*Hình 1. Một người đọc tốt (có thể) làm được gì trong 2 phút đọc*

Tất cả những việc này có thể xuất hiện cùng một lúc và mỗi giây bộ óc xác định được 5 từ mới và tiếp cận nghĩa của chúng. Chúng ta thường thực hiện những việc này cho vui và có thể đọc cả giờ liền! Và điều kỳ diệu hơn cả là bao người đã đọc thông thạo ngôn ngữ thứ hai hoặc thậm chí cả thứ ba nữa.

### **Định nghĩa Đọc và các kỹ năng tri nhận và nền tảng kiến thức bên trong khi đọc**

Đọc: năng lực phức tạp, tạo nghĩa từ văn bản (nhưng điều này có nghĩa gì?)

Đọc hiểu được xác định theo các kỹ năng thành phần, những kỹ năng mà người đọc thông thạo thực hiện:

1. Nhận biết từ nhanh và hiệu quả
2. Phát triển và sử dụng vốn ngữ vựng nhận biết rất lớn
3. Xử lý câu để hiểu văn bản
4. Huy động nhiều quy trình chiến lược và tri nhận tiềm ẩn (như đặt mục tiêu, thay đổi mục tiêu linh hoạt, theo dõi quá trình hiểu)
5. Liên hệ với tri thức nền để diễn giải nghĩa
6. Diễn giải và đánh giá văn bản theo mục tiêu mục đích của người đọc
7. Xử lý văn bản thành thực trong thời gian dài.

### **Kỹ năng tri nhận bên trong năng lực thực hành thuần thực và phức tạp (và đọc):**

1. Trí nhớ tích cực
2. Kiến thức về thế giới, văn hóa xã hội, chuyên ngành và chủ đề trong trí nhớ dài hạn
3. Năng lực quy nạp, học ngầm ẩn dựa vào xác suất thống kê từ dữ liệu đầu vào và các quá trình liên quan, kể cả năng lực nhận biết mô hình đặc biệt nhanh chóng
4. Tốc độ xử lý tri nhận
5. Cơ chế gạt bỏ những yếu tố ngăn trở (loại bỏ dữ liệu đầu vào không liên quan và kiến thức kích hoạt bên trong)
6. Cơ chế tập trung chú ý lựa chọn và năng lực chuyển trọng tâm chú ý hiệu quả
7. Năng lực suy luận, giám sát nhận thức và xác định mục tiêu
8. Năng lực tạo động cơ học tập

### **Cách đọc: đọc hiểu hoạt động thuần thực đến mức nào. Năng lực phức tạp.**

*Các quy trình bậc thấp (tất cả đều rất nhanh và chính xác)*

1. Nhận biết từ: chữ viết, nhóm chữ, âm tiết, hình vị
2. Xử lý từ vựng-cú pháp (phụ tố/thân từ, đơn vị cấp từ, đoán ngữ, mệnh đề)
3. Xử lý ngữ nghĩa (xác định rõ nghĩa từ, tập hợp mệnh đề)
4. Tất cả trong trí nhớ tích cực (dù nó ở đâu)

*Các quy trình bậc cao (thường nhanh nhưng phải suy nghĩ lại, và phải xử lý chiến lược)*

1. Xác định ý chính (tích hợp từ từ đến văn bản)
2. Nhận biết thông tin chủ đề và thông tin liên quan (thông tin hỗ trợ)
3. Xây dựng mô hình hiểu văn bản, gắn kết các mệnh đề thành mạch lạc, liên kết.
4. Sử dụng suy luận, tri thức nền, xử lý chiến lược, và bối cảnh để tạo lập mô hình diễn giải văn bản theo tình huống (cách hiểu văn bản của người đọc)

5. Tất cả cũng nằm trong trí nhớ tích cực (dù nó ở đâu)

Mục đích đọc, động cơ đọc, nhiệm vụ đọc, độ khó của văn bản có thể ảnh hưởng tới quy trình xử lý bậc cao.

### **Học đọc: Có huấn luyện viên tốt (trình độ chuyên môn và đọc: Chủ động thực hành)**

Muốn tạo lập các kỹ năng đọc tự động, theo đúng quy trình, đòi hỏi phải có nhiều cơ hội thực hành, tức là phải chủ động rèn luyện một cách hệ thống nhằm làm chủ được các kiến thức và kỹ năng cụ thể (Ericsson & Pool, 2016). Ericsson và Pool nghiên cứu vấn đề **điều gì tạo nên những thực hành tốt (chủ động – DP)**. DP chỉ là một phần trong tính phức tạp của việc dạy và học đọc, nhưng có một số khuyến nghị tốt để ‘thực hành’ đọc:

1. Chủ động thực hành để phát triển kỹ năng theo chỉ đạo của chuyên gia huấn luyện/giáo viên – những người biết rõ cách phát triển những kỹ năng này.
2. Chủ động thực hành ‘ngoài vùng an toàn của mình’ (manh dạn thực hành).
3. Chủ động thực hành bao gồm việc xác định rõ mục tiêu để nâng cao chất lượng đọc sau này. Mục tiêu lớn có thể chia nhỏ thành những mục tiêu nhỏ hơn, những quy trình cụ thể để tạo lập kỹ năng lớn.
4. Chủ động thực hành đòi hỏi người học phải tập trung chú ý. Sinh viên phải chú tâm.
5. Chủ động thực hành đòi hỏi phải có phản hồi và thay đổi về phía người học đối với phản hồi đó.
6. Chủ động thực hành gần như lúc nào cũng đòi hỏi phải tạo lập hoặc điều chỉnh những kỹ năng đã có và cải thiện chúng thực sự.
7. Chủ động thực hành đòi hỏi phải thực hành *rất nhiều*, và người học phải có động cơ.

“Chủ động thực hành” (DP) là quá trình xây dựng trình độ thực sự. DP phát triển một cách tự nhiên, và thể hiện những kỹ năng mà người ta đang học (với sự trợ giúp của huấn luyện viên và giáo viên). Những ý tưởng này cũng gắn chặt với những nghiên cứu hiện nay về đọc, chú trọng đến học thống kê, học quy nạp, truy cập tri thức trong trí nhớ lâu dài, và tầm quan trọng của việc ‘tự động hóa’ các cách đọc chiến lược.

### **Đọc trong L1 và L2: Tương đồng và Khác biệt**

1. Đọc L2 còn phức tạp hơn.

Năng lực đọc L1 và L2 có chung nhiều kỹ năng thành phần, và kết cấu đọc rất giống nhau về các thành tố ngôn ngữ và tri nhận bên trong.

2. Khác biệt giữa đọc L1 và L2 tập trung trực tiếp hoặc gián tiếp vào nguồn tư liệu ngôn ngữ mà người đọc L2 có thể huy động và ảnh hưởng tới việc hiểu văn bản.

- A. Tri thức ngôn ngữ L2 nhỏ hơn nhiều khi bắt đầu đọc.
- B. Ít kinh nghiệm hơn rất nhiều vì ít tiếp xúc với L2. Ít thực hành hơn.
- C. Phải xử lý cả hai hệ thống ngôn ngữ.
- D. Nhiều tác động chuyển di (kỹ năng tri nhận, chiến lược, mục tiêu và kỳ vọng)
- E. Nhiều kiểu kết hợp tri thức phổ thông với đọc L2 khác nhau.
- F. Giả định văn hóa xã hội đối với văn bản L2 có thể không quen thuộc.

3. Năng lực của người đọc L2 sơ cấp và trung cấp khác hẳn với đọc L1. Với người đọc L2 thuần thực hơn thì quen thuộc hơn với các quy trình đọc.

4. Khoảng cách khác biệt ngôn ngữ giữa L1 và L2 (như giữa tiếng Tây Ban Nha và tiếng Anh so với khác biệt giữa tiếng Trung và tiếng Anh) sẽ ảnh hưởng tới đọc L2. Ảnh hưởng của sự khác biệt giữa L1/L2 sẽ giảm đi khi năng lực đọc L2 tăng lên (nhưng không biến mất).

5. Kỹ năng bậc cao liên quan tới kỹ năng hiểu thông thường không bị hạn chế bởi tri thức ngôn ngữ hạn hẹp. Có thể tương đồng trong L1 và L2.

6. *Các quá trình tri nhận bên trong* trong đọc L1 và L2 nói chung là giống nhau, và những yếu tố dự báo năng lực đọc về mặt ngôn ngữ cơ bản cũng giống nhau, nhưng hạn chế về ngôn ngữ L2, bối cảnh xã hội trong giáo dục, và hạn chế về thực hành xử lý tạo ra những khác biệt thực sự giữa L1 và L2 chừng nào mà các nguồn tư liệu ngôn ngữ L2 và thực hành xử lý chưa phát triển thuần thực.

### **Bày gợi ý đối với việc dạy đọc L2**

Xây dựng vốn từ vựng nhận biết lớn, nhận thức rõ cấu trúc diễn ngôn, hiểu ý chính, người đọc chiến lược, đọc thuần thực, đọc rộng, tích hợp ngôn ngữ và nội dung

### **Chất béo chuyển hóa gặp khó khăn**

(1) Lâu nay người ta **xôn xao** nhiều về chất béo chuyển hóa. Đa phần là do một nghiên cứu y học năm 2006, được cộng đồng y học xác nhận là nếu đưa vào cơ thể càng nhiều chất béo chuyển hóa thì càng tăng nguy cơ mắc bệnh tim. Trong nhiều nghiên cứu, chất béo chuyển hóa cũng liên quan tới bệnh béo phì, ung thư và các tình trạng sức khỏe khác, mặc dù điều này chưa bao giờ được cộng đồng khoa học chứng minh hoặc bác bỏ.

(2) Về cấu tạo, chất béo chuyển hóa hơi khác các loại chất béo khác. Chúng được tạo ra qua một quá trình mới hơn 100 năm tuổi, trong đó dầu bị biến đổi về hóa học do đun nóng và do gia tăng các phân tử hydro. Dầu thu được được gọi là dầu hydro hóa, và chứa hàm lượng chất béo chuyển hóa cao. Dầu hydro hóa tồn tại lâu hơn dầu tự nhiên, và vì chúng tan ở nhiệt độ cao hơn nên hữu dụng hơn trong nấu nướng và chiên rán. Cho tới gần đây, chất béo chuyển hóa có rất nhiều trong những thực phẩm thiết yếu như các loại bánh bột mì, ví dụ như bánh vòng donuts và bánh bích quy. Chúng giúp thực phẩm có hương vị béo ngậy và kết cấu đa dạng, nhưng lại rẻ hơn bơ nhiều.



(3) Một số nước đã bắt đầu hạn chế sử dụng chất béo chuyển hóa. Đầu tiên là Đan Mạch; vào tháng 3/2003, nước này cấm sử dụng dầu hydro hóa trong thực phẩm. Sau đó, trong cùng năm, Canada ban hành đạo luật tương tự để kiểm soát dầu hydro hóa. Năm 2005, Chính phủ Canada yêu cầu bắt buộc phải ghi rõ hàm lượng chất béo chuyển hóa trên nhãn thực phẩm. Mỹ cũng yêu cầu nhãn bao bì phải cảnh báo người tiêu dùng về hàm lượng chất béo chuyển hóa.

(4) Việc cấm chất béo ở 24.000 nhà hàng tại New York đã dấy lên nhiều quan tâm. Nhà hàng buộc phải tuân thủ những quy định nghiêm ngặt về chất béo chuyển hóa; không loại thực phẩm được chứa quá nửa gam. Những người ủng hộ lệnh này cấm lập luận rằng chất béo chuyển hóa dẫn tới 18.000 ca tử vong ở người dưới 65 tuổi mỗi năm. Những người phê phán đạo luật này cho rằng chính phủ không nên xâm phạm vào cái đáng lẽ là vấn đề tự do và lựa chọn của cá nhân. Ngoài ra, một số sản phẩm thay thế dầu hydro hóa như dầu cọ cũng được coi là không tốt cho sức khỏe.

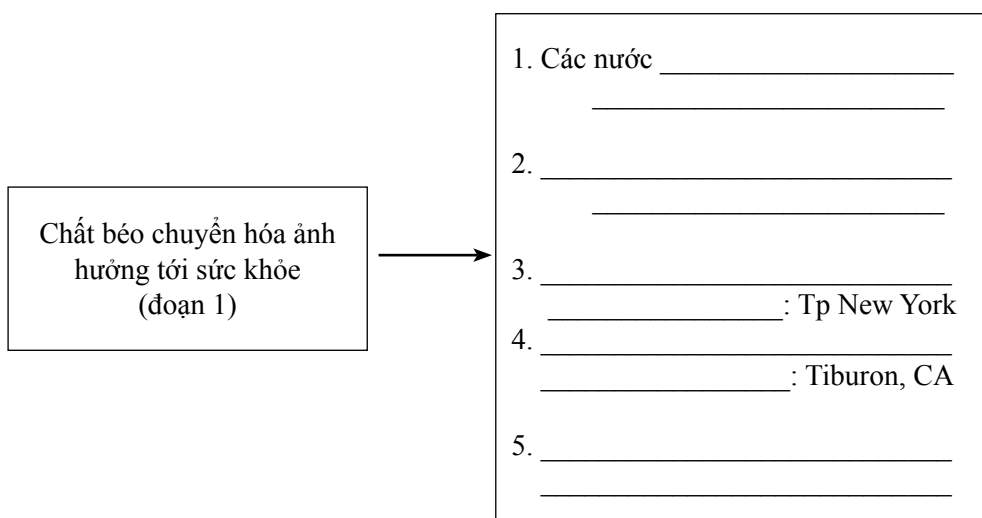
(5) Mặc dù có một số công ty tự nguyện cấm chất béo chuyển hóa, nhưng hình như các nhà hàng ở New York cũng không sẵn sàng tự thay đổi. Trái lại, các nhà hàng ở thành phố nhỏ Tiburon, California, lại tình nguyện loại chất béo chuyển hóa ra khỏi các bếp ăn trong thành phố. Các tiểu bang đang cân nhắc sẽ cấm chất béo chuyển hóa trong tương lai gồm Massachusetts, Maryland, California và Vermont.

**Xôn xao:** chú ý bàn tán

Các vấn đề và giải pháp với chất béo chuyển hóa (đoạn 1, 3-5)

Vấn đề (đoạn 1)

Giải pháp (đoạn 3-5)



## REFERENCES

- Anderson, N. J. (2014). Developing engaged second language readers. In M. Celce-Murcia, D. M. Brinton, & M. A. Snow (Eds.), *Teaching English as a second or foreign language* (4<sup>th</sup> ed., pp. 170–188). Boston, MA: Cengage/National Geographic Learning.
- Anderson, N. J. (2015). Academic reading expectations and challenges. In N. W. Evans, N. J. Anderson, & W. G. Eggington (Eds.), *ESL readers and writers in higher education: Understanding challenges, providing support* (pp. 95–109). New York, NY: Routledge.
- Britt, M. A., Goldberg, S., Rouet, J.-F. (Eds.). (2013). *Reading—From words to multiple texts*. New York, NY: Routledge.
- Cain, K., & Oakhill, J. (2012). Reading comprehension development from seven to fourteen years: Implications for assessment. In J. P. Sabatini, E. A. Albro, & T. O'Reilly (Eds.), *Measuring up: Advances in how to assess reading ability* (pp. 59–76). Lanham, MD: Rowman & Littlefield Education.
- Chen, X., Dronjic, V., & Helms-Park, R. (2016). *Reading in a second language: Cognitive and psycholinguistic issues*. New York, NY: Routledge.
- Dehaene, S. (2009). *Reading in the brain: The science and evolution of a human invention*. New York, NY: Viking.
- DeKeyser, R. M. (2015). Skill acquisition theory. In B. VanPatten & J. Williams (Eds.), *Theories in second language acquisition: An introduction* (2nd ed., Vol. Second Language Acquisition Research Series, pp. 94–112). New York, NY: Routledge.
- Ericsson, A. (2009). The influence of experience and deliberate practice on the development of superior expert performance. In A. Ericsson, N. Charness, P. Feltovich, & R. Hoffman (Eds.), *The Cambridge handbook of expertise and expert performance* (pp. 683–703). New York, NY: Cambridge University Press.
- Ericsson, A., & Pool, R. (2016). *Peak: Secrets from the new science of expertise*. Boston, MA: Houghton Mifflin Harcourt.
- Geva, E. & Ramirez, G. (2015). *Focus on reading*. New York, NY: Cambridge University Press.
- Grabe, W. (2009). *Reading in a second language: Moving from theory to practice*. New York: Cambridge University Press.
- Grabe, W., & Stoller, F. L. (2011). *Teaching and researching reading* (2<sup>nd</sup> ed.). New York, NY: Routledge.
- Grabe, W., & Stoller, F. (2014). Teaching reading for academic purposes. In M. Celce-Murcia, D. Brinton & M. Snow (Eds.) *Teaching English as a second or foreign language* (4<sup>th</sup> ed.). (pp. 189–205). Boston, MA: National Geographic Learning.
- Grabe, W. & Stoller, F. (2018). Reading Section. In J. Newton, D. Ferris, W. Grabe, C. Goh, F. Stoller & L. Vandergrift, L. (Eds.), *Teaching English to second language learners in academic contexts: Reading, writing, listening, speaking* (pp. 7–72). New York, NY: Routledge.
- Grabe, W., & Zhang, C. (2013). Reading and writing together: A critical component of English for academic purposes teaching and learning. *TESOL Journal*, 4(1), 9–24.
- Jeon, E., & Yamashita, J. (2014). L2 reading comprehension and its correlates: A meta-analysis. *Language Learning*, 64(1), 160–212.

- Jiang, X. (2012). Effects of discourse structure graphic organizers on EFL reading comprehension. *Reading in a Foreign Language, 24*(1), 84–105.
- Jiang, X., & Grabe, W. (2007). Graphic organizers in reading instruction: Research findings and issues. *Reading in a Foreign Language, 19*(1), 34–55.
- Kintsch, W. (2012). Psychological models of reading comprehension and their implications for assessment. In J. P. Sabatini, E. A. Albro, & T. O'Reilly (Eds.), *Measuring up: Advances in how to assess reading ability* (pp. 21–38). Lanham, MD: Rowman & Littlefield Education.
- Klauda, S. L., & Guthrie, J. T. (2008). Relationships of three components of reading fluency to reading comprehension. *Journal of Educational Psychology, 100*: 310–21.
- Nation, I. S. P. (2014). *Learning vocabulary in another language* (2<sup>nd</sup> ed.). NY: CUP
- Perfetti, C., & Adlof, S. M. (2012). Reading comprehension: A conceptual framework from word meaning to text meaning. In J. P. Sabatini, E. A. Albro, & T. O'Reilly (Eds.), *Measuring up: Advances in how to assess reading ability* (pp. 3–20). Lanham, MD: Rowman & Littlefield Education.
- Perfetti, C., & Stafura, J. (2016). Comprehending implicit meanings in text without making inferences. In E. O'Brien, A. Cook, & R. Lorch, Jr. (Eds.), *Inferences during reading* (pp. 1-18). New York, NY: Cambridge University Press.
- Rayner, K. Pollatsek, A., Ashby, J., & Clifton Jr., C. (2012). *Psychology of reading* (2<sup>nd</sup> ed.). New York, NY: Psychology Press.
- Seidenberg, M. (2017). *Language at the speed of sight*. New York, NY: Basic Books.
- Snow, M. A., & Brinton, D. M. (Eds.). (2017). *The content-based classroom: New perspectives on integrating language and content* (2<sup>nd</sup> ed.). Ann Arbor, MI: University of Michigan Press.
- Stafura, J., & Perfetti, C. (2017). Integrating word processing with text comprehension. In K. Cain, D. Compton & R. Parrila (Eds.), *Theories of reading development* (pp. 9-31). Philadelphia, PA: J. Benjamins.
- Suk, N. (2017). The effects of extensive reading on reading comprehension, reading rate, and vocabulary acquisition. *Reading Research Quarterly, 52*(1), 73-89.
- Verhoeven, L. (2017). Learning to read in a second language. In K. Cain, D. Compton & R. Parrila (Eds.), *Theories of reading development* (pp. 215-234). Philadelphia, PA: J. Benjamins.
- Wiliam, D. (2011). *Embedded formative assessment*. Bloomington, IN: Solution Tree Press.
- Wiliam, D., & Leahy, S. (2015). *Embedding formative assessment: Practical techniques for K–12 classrooms*. West Palm Beach, FL: Learning Sciences International.
- Zhang, C. (2013). Effect of instruction on ESL students' synthesis writing. *Journal of Second Language Writing, 22*, 51-67.

## MỘT CÁCH TIẾP CẬN TRONG GIẢNG DẠY MÔN PHÂN TÍCH ĐÁNH GIÁ BẢN DỊCH

**Đỗ Lan Anh**

Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội; Email: lananh2391984@yahoo.fr.

**Tóm tắt:** *Phê bình đánh giá dịch thuật là một lĩnh vực quan trọng của thế giới dịch thuật. Hoạt động phê bình đánh giá dịch thuật cho phép kiểm soát chất lượng các bản dịch đặc biệt trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay khi nhu cầu về dịch thuật ngày càng tăng ở mọi lĩnh vực của đời sống xã hội đặc biệt là dịch văn học. Khi lĩnh vực này được đưa vào giảng dạy trong nhà trường cũng sẽ đòi hỏi phải xây dựng chương trình, giáo trình và phương pháp giảng dạy như thế nào cho phù hợp, thiết thực và gắn liền với nghề nghiệp trong tương lai của sinh viên. Chính vì lý do đó mà trong bài viết này, tác giả sẽ giới thiệu một cách tiếp cận trong giảng dạy môn phân tích đánh giá bản dịch nhằm giúp các em sinh viên trước hết cải thiện và hoàn thiện kỹ năng dịch của bản thân và có cái nhìn đúng đắn khi đánh giá một bản dịch.*

**Từ khóa:** bản dịch; đánh giá; giảng dạy; kỹ năng.

## NGHIÊN CỨU HÀNH ĐỘNG VỀ PHẢN HỒI CỦA SINH VIÊN ĐỐI VỚI CÁC HOẠT ĐỘNG NHẬP VAI ROLE-PLAY ĐỂ PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG NÓI TIẾNG ANH

**Nguyễn Lan Anh**

Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội; Email: anhn1990@vnu.edu.vn.

**Tóm tắt:** *Phương pháp dạy học nhập vai (role-play) đã được sử dụng khá phổ biến trong lĩnh vực giảng dạy tiếng Anh và được xem là một công cụ dạy học hiệu quả, linh hoạt để nâng cao năng lực nói tiếng Anh của người học. Nghiên cứu hành động này sử dụng các phương pháp định tính được tiến hành trên một nhóm 23 sinh viên năm nhất tại Khoa Sư phạm tiếng Anh, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội nhằm mục đích tìm hiểu cách thức các hoạt động nhập vai có thể hỗ trợ sinh viên trong việc phát triển kỹ năng nói, cũng như đưa ra các khuyến nghị cho việc áp dụng phương pháp dạy học này trong tương lai. Kết quả nghiên cứu cho thấy hoạt động nhập vai đã hỗ trợ tốt cho sinh viên phát triển năng lực nói, tuy nhiên cần thiết phải điều chỉnh thời lượng cho khâu sinh viên chuẩn bị, luyện tập bài hội thoại nhập vai cũng như khâu nhận xét, phản hồi sau đó.*

**Từ khóa:** kỹ năng nói; nhập vai; role play; nghiên cứu hành động.

## VIỆT NAM VỚI CẠNH TRANH QUYỀN LỰC MỸ - TRUNG

**Nguyễn Ngọc Anh**

Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội; Email: ngocanh2us@vnu.edu.vn.

**Tóm tắt:** Nội dung của nghiên cứu này được chia thành ba phần. Phần thứ nhất trình bày về các động thái, nguyên nhân và tương lai của cạnh tranh quyền lực Mỹ - Trung. Phần thứ hai phân tích các tác động của cạnh tranh quyền lực Mỹ - Trung đến Việt Nam. Phần thứ ba phân tích các giải pháp mà Việt Nam đã và sẽ chọn để xử lý các tác động này. Nghiên cứu cho rằng Việt Nam sẽ lựa chọn các giải pháp của quốc gia tầm trung (middle power) và sẽ xử lý được các tác động đến từ cạnh tranh này.

**Từ khóa:** Việt Nam; Mỹ; Trung Quốc; cạnh tranh; quyền lực.

## TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG NHÓM HIỆU QUẢ TRONG DẠY VÀ HỌC NGOẠI NGỮ

**Lưu Thị Kim Anh**

Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội; Email: ltkimanh2103@yahoo.fr.

**Tóm tắt:** Trong quá trình dạy và học ngoại ngữ, hoạt động nhóm là một trong những phương pháp tích cực đem lại nhiều hứng thú cho người học. Tuy nhiên, tổ chức hoạt động nhóm, đặc biệt là hoạt động nhóm ngoài giờ học trên lớp, không phải là một công việc đơn giản. Giáo viên và học viên gặp nhiều khó khăn về mọi mặt như thiếu thời gian, học viên thiếu kỹ năng làm việc nhóm, giáo viên gặp khó khăn trong việc theo dõi và đánh giá quá trình hoạt động... Vì vậy, làm thế nào để tổ chức hoạt động nhóm hiệu quả là mối quan tâm của hầu hết các giáo viên ngoại ngữ. Trong bài tham luận này, chúng tôi đề cập đến việc sử dụng các công cụ trực tuyến hỗ trợ cho hoạt động nhóm nhằm giải quyết các khó khăn trên.

**Từ khóa:** hoạt động nhóm; công nghệ trong dạy học ngoại ngữ; framapad.

## TIÊU CHUẨN NĂNG LỰC QUỐC GIA (NCS) CỦA HÀN QUỐC

**Hoàng Thị Hải Anh**

Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội; Email: haianhhp82@gmail.com.

**Tóm tắt:** Nhằm giải quyết bài toán về chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, nhà nước đã đưa ra một loạt các cải cách về mặt cơ chế, chính sách, trong đó nổi bật nhất chính là việc xây dựng và ban hành mới Luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2014. Theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp các trường, các cơ sở đào tạo nghề được tự chủ trong việc xây dựng chương trình đào tạo dựa trên tiêu chuẩn kỹ năng nghề (Điều 34). Đây có thể coi là một trong những quy định mang tính đột phá để nâng cao chất lượng đào tạo nghề. Hàn Quốc là một trong những quốc gia phát triển về lĩnh vực đào tạo dạy nghề. Chìa khóa tạo nên sự thành công trong lĩnh vực dạy nghề của Hàn Quốc chính là xây dựng, ban hành và ứng dụng các bộ tiêu chuẩn năng lực quốc gia (NCS). Bài viết trình bày về tiêu chuẩn năng lực quốc gia (NCS) của Hàn Quốc và các ứng dụng của NCS. Mô hình của Hàn Quốc có thể coi là một ví dụ tham khảo hiệu quả cho các trường dạy nghề của Việt Nam trong quá trình thực hiện quy định mới về phát triển đào tạo dạy nghề theo Luật Giáo dục nghề nghiệp.

**Từ khóa:** tiêu chuẩn năng lực quốc gia; NCS; giáo dục nghề nghiệp<sup>2</sup>; nâng cao chất lượng; ứng dụng của NCS.

## ĐỀ XUẤT TIÊU CHÍ LỰA CHỌN BÀI ĐỌC HIỂU TRONG GIẢNG DẠY KỸ NĂNG ĐỌC HIỂU TIẾNG PHÁP

**Hoàng Thị Bích**

Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội; Email: htbich2011@gmail.com.

**Tóm tắt:** Trong giảng dạy cũng như trong kiểm tra đánh giá kỹ năng đọc hiểu, việc lựa chọn bài đọc sao cho phù hợp với trình độ của người học cũng như mục tiêu môn học luôn là một công việc khá khó khăn với nhiều giáo viên. Làm sao để xác định độ khó của bài đọc hiểu? Dựa vào tiêu chí nào để đánh giá một bài đọc hiểu phù hợp với người học ở trình độ sơ cấp, trung cấp hay cao cấp? Bài viết này nhằm mục đích: (1) xác định một số các chỉ báo về từ vựng giúp đo độ khó của bài đọc hiểu tiếng Pháp; (2) đề xuất các giải pháp lựa chọn bài đọc hiểu phù hợp với trình độ của người học.

**Từ khóa:** độ phức tạp từ vựng; độ khó; bài đọc hiểu; mật độ từ vựng; tần suất xuất hiện.

<sup>2</sup> Trước khi Luật Giáo dục nghề nghiệp được ban hành vào năm 2014, có hai khái niệm là "dạy nghề" và "giáo dục nghề". Tuy nhiên, sau khi Luật Giáo dục nghề nghiệp có hiệu lực, hai khái niệm trên đã thống nhất thành giáo dục nghề nghiệp. Trong khuôn khổ nghiên cứu này, người viết sẽ sử dụng khái niệm giáo dục đào tạo nghề.

## HÀNH ĐỘNG CHO TẶNG VÀ BIỂU THỨC NGỮ VI CỦA HÀNH ĐỘNG CHO TẶNG

**Chủ Thị Bích**

Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội; Email: bichcn@yahoo.com

**Tóm tắt:** Hành động cho tặng thuộc nhóm cam kết, nhóm các hành động ngôn ngữ có đích ở lời là trách nhiệm phải thực hiện hành động tương lai mà Sp1 bị ràng buộc. Thực hiện cho tặng, người nói phải thực hiện đồng thời một hành động bằng ngôn ngữ và một hành động vật lý trao vật cho tặng X cho người nghe nhằm biểu lộ tình cảm, sự quan tâm, quý mến đối với người nghe. Biểu thức nói năng của hành động cho tặng luôn là biểu thức ngữ vi tương minh (không có dạng nguyên cấp). Biểu thức ngữ vi cho tặng tương minh thường có hai dạng: dạng đầy đủ gồm 4 thành tố (A - chủ thể thực hiện hành động cho tặng; B - Động từ ngữ vi cho tặng; C - đối tượng tiếp nhận hành động cho tặng; D - Vật cho tặng) chiếm 79,5% và dạng tỉnh lược chiếm 20,5%. Thành tố không thể vắng mặt trong biểu thức ngữ vi cho tặng là thành tố B - động từ ngữ vi cho tặng. Có khá nhiều động từ cho tặng, tuy nhiên ba động từ có tần số sử dụng cao trong giao tiếp hàng ngày là cho, tặng, biếu. Việc sử dụng động từ nào để biểu thị hành động cho tặng là tùy thuộc vào ngữ cảnh giao tiếp cụ thể, quan hệ giữa người nói và người nghe và vật cho tặng. Vật cho tặng rất phong phú. Để hành động cho tặng đạt hiệu quả giao tiếp, người nói cần cân nhắc, lựa chọn sao cho vật cho tặng phù hợp từng hoàn cảnh giao tiếp, với lợi ích của người nghe.

**Từ khóa:** hành động cho tặng; cho tặng; biểu thức ngữ vi.

## CÁC THAM SỐ THÀNH LẬP KHO NGỮ LIỆU MÁY TÍNH

**Lâm Thị Hoà Bình**

Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội; Email: lamhoabinh@yahoo.co.uk.

**Tóm tắt:** Suốt gần một thế kỷ qua, các kho ngữ liệu (KNL) đã và đang được xây dựng và sử dụng rộng rãi trong nghiên cứu ngôn ngữ cũng như giảng dạy ngoại ngữ. Cùng với sự phát triển của khoa học công nghệ, các ngành khoa học tự nhiên và xã hội ngày càng xích lại gần nhau, tương tác và bổ sung cho nhau. Các kho ngữ liệu hiện đại ngày nay được thành lập là kết quả của công nghệ với những cải tiến trong thu thập, chú giải và phân tích dữ liệu ngôn ngữ. Bài viết trình bày về các tham số thành lập nên kho ngữ liệu hiện đại và cho thấy sự kết hợp giữa các tham số này trong việc thành lập kho ngữ liệu.

**Từ khóa:** ngôn ngữ học ngữ liệu; tham số; tập hợp mục tiêu; chú giải; phân tích.

## VỀ “NHIỆM VỤ” TRONG GIÁO TRÌNH “ALTER EGO”

**Trần Đình Bình**

Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội; Email: tbinhfrance@gmail.com

**Tóm tắt:** Bài viết trình bày khái niệm “Nhiệm vụ” trong Khung tham chiếu chung châu Âu về ngoại ngữ (CECR), các loại nhiệm vụ được đưa vào giáo trình Alter Ego đang được dùng tại Khoa Ngôn ngữ và Văn hoá Pháp, Trường Đại học Ngoại ngữ ĐHQGHN. Coi người học là tác nhân xã hội thực hiện các nhiệm vụ ở một lĩnh vực cụ thể, nhất là nhiệm vụ hoàn thành dự án đã làm thay đổi triết lý dạy học, vai trò của thầy, trò trong việc nâng cao năng lực sử dụng ngoại ngữ như công cụ giao tiếp, hành động, tương tác ở trường và ngoài xã hội. Kết quả điều tra bằng bảng hỏi sinh viên, phỏng vấn giáo viên tại khoa Pháp cho thấy việc dạy học ngoại ngữ qua dự án đáp ứng được yêu cầu của chuẩn đầu ra trong chương trình đào tạo cử nhân ngoại ngữ của trường, phù hợp với các mục tiêu của Đề án 2020 của Chính phủ về “Dạy học ngoại ngữ”.

**Từ khóa:** dự án; giao tiếp; hành động; nhiệm vụ; tương tác.

## LÀN SÓNG K-DRAMA TỪ MỘT GÓC NHÌN

**Vũ Thị Chin**

Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội; Email: vuthichin191@yahoo.com.

**Tóm tắt:** Điện ảnh Hàn Quốc là nhân tố quan trọng thúc đẩy sự tấn công ồ ạt của làn sóng Hallyu. Phim truyền hình Hàn Quốc liên tục tạo ra “cơn sốt” trong nước và nhiều quốc gia trên thế giới (trong đó có Việt Nam). Thông qua các bộ phim truyền hình dài tập khán giả hiểu rõ hơn những nét đặc trưng văn hóa của Hàn Quốc (phong tục tập quán, lối sống, ẩm thực, thời trang...), thêm yêu mến phong cảnh đất nước và con người Hàn Quốc. Bài viết “Làn sóng K-drama” dưới góc nhìn của người nghiên cứu, giảng dạy ngoại ngữ và yêu thích phim Hàn tìm hiểu những nét đặc trưng tạo nên sự thú vị của phim Hàn Quốc, lý giải nguyên nhân tạo ra cơn sốt phim truyền hình, từ đó rút ra một số bài học kinh nghiệm trong giảng dạy ngoại ngữ.

**Từ khóa:** phim truyền hình Hàn Quốc; cơn sốt phim truyền hình; làn sóng; ẩm thực Hàn; văn hóa Hàn Quốc.



## MỘT SỐ LỖI THƯỜNG GẶP TRONG VIỆC VIẾT TIN CỦA PHÓNG VIÊN TẠI ĐÀI TRUYỀN THANH - TRUYỀN HÌNH HUYỆN ĐẠI LỘC, TỈNH QUẢNG NAM

**Nguyễn Ngọc Chinh, Nguyễn Ngọc Nhật Minh, Trần Thị Bích Liễu**

Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng; Email: nnchinh@ufl.udn.vn.

**Tóm tắt:** Hiện nay, Đài Truyền thanh huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam với thế mạnh là thông tin được chuyển tải bằng âm thanh đã đóng vai trò quan trọng trong việc ổn định chính trị, an ninh, quốc phòng và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Với đặc thù như vậy nên việc viết tin trở thành một nhiệm vụ quan trọng, đòi hỏi người viết phải có cái nhìn khách quan, cẩn thận trong việc chất lọc và sử dụng ngôn từ một cách chính xác, phù hợp với ngôn ngữ báo chí, đồng thời giữ được sự trong sáng của tiếng Việt. Tuy nhiên, hiện nay do nền kinh tế thị trường, việc chạy đua theo thành tích, áp lực chỉ tiêu, áp lực thời gian... đã khiến nhiều phóng viên trở nên cầu thả trong việc viết tin bài. Nhiều phóng viên gửi một bản tin khi có khá nhiều lỗi chính tả, lỗi câu từ, lỗi số liệu, v.v... thậm chí nhiều phóng viên còn sử dụng thông tin khi chưa xác nhận được độ chính xác. Điều đó gây khó khăn và mất nhiều thời gian cho người phụ trách biên tập chương trình. Vì vậy, báo cáo này nêu thực trạng và đề xuất giải pháp khắc phục một số lỗi thường gặp trong việc viết tin của phóng viên tại Đài Truyền thanh - Truyền hình huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam.

**Từ khóa:** tin; phóng viên; lỗi; truyền thanh; truyền hình; ngôn ngữ báo chí; Đài Truyền thanh - Truyền hình Đại Lộc.

## GIA ĐÌNH NGA: TRUYỀN THỐNG VÀ HIỆN ĐẠI

**Nguyễn Thị Cơ\*, Nguyễn Thị Mai\*\***

\* Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội; Email:nguyenco1960@gmail.com.

\*\* Trường Đại học Mĩ thuật công nghiệp Hà Nội; Email:Nguyenthimai280669@gmail.com.

**Tóm tắt:** Gia đình Nga được thiết lập trên nền tảng đạo lý Ki tô giáo về hôn nhân và gia đình. Trong gia đình Nga truyền thống cũng như hiện đại, các thành viên được giáo dục, tri nhận những giá trị quý báu như yêu nước, yêu thương đùm bọc lẫn nhau, trên kính, dưới nhường, hiếu nghĩa, cần cù sáng tạo, kiên cường vượt khó, tình nghĩa, trách nhiệm với nhau trong cuộc sống. Còn trong mối quan hệ vợ chồng đó là tình yêu, sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, hòa thuận, ấm êm, thủy chung, tình nghĩa, cùng nhau chia sẻ, gánh vác công việc gia đình. Gia đình là tế bào và nền tảng của xã hội, là hiện thân của môi trường Nga. Kinh tế, năng lực quốc phòng của Nga phụ thuộc rất nhiều vào thực trạng gia đình, mà gia đình Nga đang trong tình trạng khủng hoảng. Để giải quyết vấn đề trọng đại này chính phủ Nga đã và đang áp dụng những giải pháp hữu hiệu nhằm khôi phục và củng cố thiết chế gia đình, tạo điều kiện cho nước Nga đảm bảo được an ninh dân tộc, được bảo vệ và đứng vững trước sóng gió "cảm vận" và "trùng phạt" của Mỹ và phương Tây.

**Từ khóa:** gia đình; truyền thống và hiện đại; gia đình hạt nhân mở; tình nghĩa trách nhiệm giữa các thành viên; tế bào và nền tảng của xã hội.

## GIAO TIẾP LIÊN VĂN HÓA TRONG XU THẾ TOÀN CẦU HÓA

**Nguyễn Đình Cường**

Trường Đại học Đồng Tháp; Email: ndcuonght@gmail.com.

**Tóm tắt:** Toàn cầu hóa hiện nay không chỉ là xu thế mà đã trở thành dòng thác lôi cuốn mọi quốc gia, dân tộc. Trong xu thế đó, các nền văn hóa luôn có sự tiếp xúc, giao thoa và thâm hóa lẫn nhau. Đó là quy luật nội tại của văn hóa, và văn hóa Việt Nam cũng không nằm ngoài tiền lệ đó. Trong bài viết này, trên cơ sở nghiên cứu lý luận và đúc kết kinh nghiệm thực tiễn của văn hóa Việt Nam, quá trình giao tiếp liên văn hóa với các nền văn hóa tiên tiến trên thế giới, bài viết cung cấp sự nhìn nhận đa chiều về sự vận động và phát triển văn hóa Việt Nam trước mặt trái của toàn cầu hóa văn hóa, để văn hóa Việt Nam tự điều tiết, thích nghi với các giá trị văn hóa bên ngoài phù hợp với thuần phong và mỹ tục của dân tộc Việt Nam, góp phần vào thắng lợi chung của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

**Từ khóa:** văn hóa; tiếp biến văn hóa; giao lưu văn hóa.

## GIAO THOA VĂN HOÁ VÀ DẠY – HỌC NGOẠI NGỮ TRONG XU THẾ ĐỐI THOẠI VĂN HOÁ GIỮA CÁC DÂN TỘC

**Dương Quốc Cường**

Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng; Email: dqcuong@ufl.udn.vn.

**Tóm tắt:** Trong xu thế đối thoại văn hoá giữa các dân tộc ngày nay, cách tiếp cận ngôn ngữ từ góc độ văn hoá làm cho bức tranh nghiên cứu ngôn ngữ học trở nên đa dạng hơn bao giờ hết. Giá trị văn hóa như là nội dung ý nghĩa “ẩn” làm cơ sở cho sự hoạt động của ngôn ngữ và những sự khác biệt về văn hóa trong hệ thống giá trị có ảnh hưởng tới quá trình giao tiếp bằng ngôn ngữ. Chúng tôi đặt những giả thuyết nghiên cứu, đề xuất những kiến nghị sư phạm và suy nghĩ phương thức đưa đào tạo về giao tiếp giao thoa văn hoá vào chương trình giảng dạy ngoại ngữ một cách có hệ thống không ngoài mục đích hướng người học về vấn đề giao thoa văn hoá, lĩnh hội được những kiến thức cơ bản về giao tiếp liên văn hoá, nhận thức được sự khác biệt ở các cách cư xử trong giao tiếp trong nền văn hoá khác nhau, ý thức được tính khác biệt để hiểu và tôn trọng hơn nền văn hoá của chính mình cũng như của người khác, tương đối hoá chính kiến để chấp nhận, chia sẻ hoặc thích ứng với những quan điểm khác. Chúng tôi quan tâm đến một cách dạy học ngoại ngữ dưới góc độ giao thoa văn hoá.

**Từ khóa:** ngôn ngữ; giao thoa; diễn đạt; văn hoá; giao tiếp; dân tộc; dạy và học.

## ẨN DỤ Ý NIỆM “THỜI TIẾT” TRONG TIẾNG VIỆT VÀ TIẾNG ANH

**Đỗ Thị Hồng Diệu, Trần Thị Phương Lý**

Trường Đại học Sài Gòn; Email: lytran7581@gmail.com.

**Tóm tắt:** Thời tiết là một trong những hiện tượng cơ bản nhất của Trái đất, được con người cảm nhận khi tương tác với thế giới bên ngoài. Từ những nhận thức cụ thể mang tính trực giác về các hiện tượng thời tiết, mỗi dân tộc sẽ có cách biểu tượng hóa riêng trên cơ sở những kinh nghiệm nhận thức và tư duy căn bản mang đậm tính đặc thù dân tộc. Trong cuộc sống hàng ngày, người Việt và người Anh vẫn thường dùng những ý niệm thuộc về thời tiết để nhận thức các ý niệm thuộc những phạm trù khác trong đời sống. Trong bài viết này, dưới góc nhìn Ngôn ngữ học tri nhận, chúng tôi đi vào tìm hiểu các ẩn dụ ý niệm liên quan đến ý niệm thời tiết trong tiếng Việt và tiếng Anh, từ đó nhằm tìm ra những điểm tương đồng và khác biệt thú vị được thể hiện qua các ẩn dụ ý niệm này.

**Từ khóa:** ẩn dụ ý niệm; thời tiết; tiếng Việt; tiếng Anh.

## YẾU TỐ TRUNG QUỐC TRONG QUAN HỆ VIỆT – MỸ DƯỚI THỜI TỔNG THỐNG DONALD TRUMP

**Nguyễn Võ Huyền Dung**

Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng; Email: nvhdung@ufl.udn.vn.

**Tóm tắt:** Kể từ sau khi bình thường hóa vào năm 1995, mối quan hệ song phương giữa Việt Nam và Mỹ đã có những bước phát triển nhanh chóng và toàn diện cho thấy sự xích lại gần hơn và chặt chẽ hơn giữa hai quốc gia. Trong khi đó, với tốc độ phát triển kinh tế nhanh cũng như tầm ảnh hưởng chính trị ngày càng rộng, Trung Quốc vẫn luôn được xem là một nhân tố nổi cộm trong khu vực và trên thế giới với khả năng chi phối và tác động đáng kể đến bất kì mối quan hệ song phương và đa phương nào. Đặc biệt là dưới thời Tổng thống Donald Trump, mọi bất ngờ đều có thể xảy ra bất chấp mọi kịch bản, mọi dự báo như chính chiến thắng trong cuộc đua vào Nhà Trắng của ông vậy. Bài viết sẽ phân tích mối quan hệ Việt - Mỹ và yếu tố Trung Quốc trong mối quan hệ này, từ đó dự báo những căng thẳng có thể xảy ra cũng như xu hướng phát triển của mối quan hệ tay ba này.

**Từ khóa:** quan hệ; Việt Nam; Mỹ; Trung Quốc; yếu tố.

## **KHẢO SÁT PHÓ TỪ TẦN SUẤT “连连” VÀ “一连” TRÊN BÌNH DIỆN NGỮ PHÁP VÀ ĐẶC TRƯNG NGỮ NGHĨA**

**Đoàn Thị Dung**

Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng; Email: dtdung@ufl.udn.vn.

**Tóm tắt:** “连连” và “一连” là phó từ tần suất trong tiếng Hán hiện đại, giữa chúng có sự tương đồng và khác biệt nhất định về mặt ngữ nghĩa cũng như chức năng ngữ pháp. Vì vậy trong quá trình giảng dạy loại phó từ này khiến cả người dạy lẫn người học gặp không ít khó khăn. Bài báo chủ yếu dựa trên kho dữ liệu, tiến hành khảo sát, phân tích và so sánh từ loại và các kết cấu ngữ pháp đứng sau hai phó từ “连连” và “一连” trên bình diện ngữ pháp và đặc trưng ngữ nghĩa. Kết quả nghiên cứu đã chỉ rõ những tương đồng và khác biệt giữa chúng, qua đó, góp phần củng cố cơ sở lý luận về phó từ chỉ tần suất để giảng dạy tiếng Hán.

**Từ khóa** - “连连”; “一连”; tần suất xuất hiện; chức năng ngữ pháp; đặc trưng ngữ nghĩa.

## **MỘT VÀI ĐẶC ĐIỂM NGỮ NGHĨA CỦA HÌNH THÁI DĨ THÀNH TIẾNG ANH**

**Trương Thị Anh Đào**

Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh; Email: адао@ueh.edu.vn.

**Tóm tắt:** Khi bàn đến các phạm trù ngữ pháp tiếng Anh, phạm trù thì và thể là những phạm trù phổ quát được nhiều nhà ngôn ngữ học trên thế giới quan tâm nghiên cứu. Thì định vị thời gian của sự tình theo thời đoạn phát ngôn và nó được xác định thông qua hình thái của vị từ, còn thể lại miêu tả cấu trúc thời gian nội tại của sự tình và ý nghĩa thể thường được xác định không chỉ thông qua hình thái của vị từ mà còn phải dựa vào các tham tố bổ ngữ cho nó. Trong tiếng Anh, thể dĩ thành (perfect) là một thể đóng vai trò quan trọng trong hệ thống thể nói chung nhưng lại là một phạm trù ngữ pháp khó lĩnh hội. Bài này được thực hiện xuất phát từ thực tiễn giảng dạy nhằm giúp cho sinh viên có thể phân biệt rõ các đặc trưng ngữ nghĩa của thể dĩ thành, để từ đó có thể sử dụng chính xác hình thái vị từ này.

**Từ khóa:** dĩ thành; dĩ thành kết quả; dĩ thành kinh nghiệm; dĩ thành tiếp diễn; dĩ thành quá khứ gần.

## NGHIÊN CỨU THEO QUAN ĐIỂM NGÔN NGỮ HỌC CHỨC NĂNG HỆ THỐNG VỀ CÁCH DÙNG TỪ NHẤN MẠNH (INTENSIFIERS) TRONG BÀI LUẬN TIẾNG ANH CỦA SINH VIÊN

**Trần Hoài Giang**

Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội; Email. tranhoai giangaf@gmail.com.

**Tóm tắt:** Văn tranh luận là dạng văn quan trọng đối với người học tiếng Anh vì dạng văn này xuất hiện ở gần như tất cả các kì thi lớn ở các cấp, từ địa phương, quốc gia, cho đến quốc tế. Tuy nhiên đây cũng là một trong những dạng văn viết khó nhất. Một trong những cách giáo viên có thể làm để giúp sinh viên viết tốt văn tranh luận trong tiếng Anh là giúp sinh viên nhận ra những đặc điểm và sự khác biệt giữa những bài viết tốt và chưa tốt. Mục đích của nghiên cứu này là để giúp giáo viên và sinh viên nhận ra một trong những sự khác biệt đó. Cụ thể hơn, nghiên cứu này tìm hiểu cách dùng ngôn ngữ nhấn mạnh (intensifiers) để thể hiện quan điểm của tác giả trong bài viết tranh luận (argumentative essays) của sinh viên năm thứ hai chuyên ngành tiếng Anh dưới góc độ phân tích của Ngôn ngữ học chức năng hệ thống (Systemic Functional Linguistics). Dựa trên kết quả phân tích định tính và định lượng thông qua hai phần mềm UAM Corpus Tool và AntCon, tác giả nghiên cứu này đề xuất một số lưu ý về cách dạy và học viết bài tranh luận trong tiếng Anh. Ngoài ra tác giả cũng đề xuất một số trọng tâm nghiên cứu liên quan đến chủ đề này.

**Từ khóa:** bài luận; từ nhấn mạnh; ngôn ngữ học chức năng.

## ỨNG DỤNG LÝ THUYẾT DỊCH NGHĨA NGÔN BẢN TRONG DỊCH THUẬT NGỮ Y HỌC ỨNG DỤNG

**Trần Thị Hà Giang**

Trường Đại học Y Dược Hải Phòng; Email: tran.thg@gmail.com

**Tóm tắt:** Bài viết này nhằm mục đích giới thiệu một số nét cơ bản của Lý thuyết dịch nghĩa ngôn bản và một số ứng dụng của lý thuyết này, dựa trên cơ sở nghiên cứu của tác giả về tính khả thi của việc áp dụng Lý thuyết dịch nghĩa ngôn bản trong dịch thuật ngữ Y học. Kết quả cho thấy lý thuyết này có thể được áp dụng cho nhiều loại văn bản cũng như trong nhiều chuyên ngành khác nhau mà vẫn đảm bảo chất lượng của bản dịch dựa trên các tiêu chí đánh giá chất lượng bản dịch mà lý thuyết này lựa chọn.

**Từ khóa:** lý thuyết dịch nghĩa ngôn bản; dịch thuật ngữ Y học; đánh giá chất lượng bản dịch.

## **RÈN LUYỆN KỸ NĂNG TỰ HỌC CHO SINH VIÊN SỰ PHẠM NGOẠI NGỮ - CẦU NỐI NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG TỰ HỌC CHO GIÁO VIÊN TRUNG HỌC PHỔ THÔNG**

**Trần Thị Hà Giang**

Đại học Sư phạm Hà Nội

Email: Hagiangdhsphn@gmail.com

**Tóm tắt:** Muốn trang bị ngoại ngữ tốt cho công dân Việt Nam, trước tiên cần đổi mới cách dạy, cách học của cán bộ và sinh viên các trường sư phạm ngoại ngữ. Chất lượng công cuộc đổi mới giảng dạy ngoại ngữ phụ thuộc chủ yếu vào năng lực tự học của bản thân sinh viên sư phạm ngoại ngữ mà sau này là giáo viên trung học phổ thông. Vì vậy, cần phải rèn luyện kỹ năng tự học cho sinh viên sư phạm ngoại ngữ nhằm nâng cao chất lượng tự học, tự nghiên cứu cho đội ngũ giáo viên giảng dạy ngoại ngữ tại các trường trung học phổ thông đáp ứng xu thế giáo dục thế giới

Bài viết trình bày một số nhóm kỹ năng cơ bản dành riêng cho sinh viên sư phạm ngoại ngữ: Nhóm kỹ năng chuyên môn khoa học (Kỹ năng lập kế hoạch tự học; đọc sách giáo khoa, giáo trình, tài liệu tham khảo; nghe giảng và ghi chép trên lớp; chọn lọc, sử dụng kiến thức đã có để hình thành kiến thức mới và kỹ năng ôn tập) và Nhóm kỹ năng sư phạm (Kỹ năng soạn giáo án; tổ chức dạy học trên lớp; kiểm tra, đánh giá kết quả học tập; giáo dục học sinh và kỹ năng học trải nghiệm, thực tế).

**Từ khóa:** tự học; ngoại ngữ; nâng cao chất lượng; giáo viên trung học phổ thông

## **SO SÁNH TRỢ ĐỘNG TỪ CHỈ KHẢ NĂNG “能” VÀ MỘT SỐ PHƯƠNG THỨC BIỂU ĐẠT KHẢ NĂNG ĐIỂN HÌNH KHÁC TRONG TIẾNG HÁN HIỆN ĐẠI**

**Vũ Thị Hà**

Trường Đại học Hạ Long; Email: chaoha79@yahoo.com.

**Tóm tắt:** Bổ ngữ chỉ khả năng và các trợ động từ chỉ khả năng là những phương thức biểu đạt khả năng điển hình, được sử dụng phổ biến trong tiếng Hán hiện đại. Trên cơ sở lý thuyết ba bình diện ngữ pháp tiếng Hán, bài viết này phân tích so sánh trợ động từ chỉ khả năng “能” và một số phương thức biểu đạt khả năng điển hình khác trong tiếng Hán hiện đại, bao gồm trợ động từ chỉ khả năng “可以”, “会” và bổ ngữ chỉ khả năng từ góc độ giảng dạy tiếng Hán như một ngôn ngữ thứ hai, qua đó, chỉ ra những điểm tương đồng và khác biệt về ngữ nghĩa và cách sử dụng giữa chúng.

**Từ khóa:** so sánh; trợ động từ chỉ khả năng; bổ ngữ chỉ khả năng; tiếng Hán hiện đại.

## TÍNH KHẢ THI TRONG VIỆC ỨNG DỤNG PHƯƠNG PHÁP TÁC ĐỘNG LÊN XÚC GIÁC EHIỆP (ESSENTIAL HAPTIC-INTEGRATED ENGLISH PRONUNCIATION) VÀO DẠY VÀ HỌC TRỌNG ÂM CÂU TRONG TIẾNG ANH

Hà Thị Vũ Hà

Trường Đại học Thương mại; Email: vuhaken87@gmail.com.

**Tóm tắt:** Trong bối cảnh nước ta đang ngày một mở cửa cũng như xu hướng toàn cầu hóa đang ngày một phổ biến, đòi hỏi chúng ta phải sử dụng tiếng Anh với vai trò là ngôn ngữ toàn cầu, việc trau dồi bốn kỹ năng của tiếng Anh bao gồm nghe, nói, đọc và viết đang ngày càng nhận được đề cao và chú ý, đặc biệt là kỹ năng nói. Có kỹ năng nói tiếng Anh tốt đồng nghĩa với việc có được lợi thế về nhiều mặt trong cuộc sống, dù là giao tiếp xã hội hay khi làm việc trong môi trường chuyên nghiệp. Tuy nhiên, làm thế nào để có khả năng nói tiếng Anh tốt, có cách phát âm tốt để có thể tự tin khi đứng trước những người có trình độ tiếng Anh tốt hay những người bản xứ vẫn là một câu hỏi khó có thể trả lời ngay lập tức và cần phải có những phân tích kỹ càng để có thể đưa ra những kết luận hợp lý. Trọng âm câu trong tiếng Anh là một khía cạnh rất quan trọng của phát âm tiếng Anh và cũng rất cần được chú trọng. Nghiên cứu này nhằm mục đích: (1) tìm hiểu sâu hơn về trọng âm câu trong tiếng Anh, (2) tìm hiểu tình hình học trọng âm câu tiếng Anh của các em sinh viên năm nhất thuộc Khoa Tiếng Anh, Trường Đại học Thương mại, (3) đề xuất một phương pháp khả thi giúp việc dạy và học trọng âm câu trong tiếng Anh trở nên dễ dàng hơn. Để tiến hành nghiên cứu này, phương pháp nghiên cứu là sự kết hợp giữa phương pháp định tính (dựa vào việc phân tích và tổng hợp) và phương pháp định lượng (dựa vào bản câu hỏi khảo sát dành cho các sinh viên năm nhất thuộc Khoa Tiếng Anh, Trường Đại học Thương mại).

**Từ khóa:** tác động; xúc giác; dạy và học; trọng âm câu; tiếng Anh.

## NGÔN NGỮ THANH THIẾU NIÊN ĐỨC VÀ VIỆT NAM ỨNG DỤNG GIẢNG DẠY NGÔN NGỮ THANH THIẾU NIÊN TRONG GIỜ HỌC TIẾNG ĐỨC

Đào Hải Hà

Trường Phổ thông Chuyên Ngoại ngữ - Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội.

Email: Daohaiha93@gmail.com

**Tóm tắt:** Tiếng Đức là ngoại ngữ đang có sự phát triển không ngừng tại Việt Nam và thu hút rất nhiều bạn trẻ. Tuy nhiên, trong các giáo trình tiếng Đức được sử dụng hiện nay, đề tài ngôn ngữ thanh thiếu niên ít được đề cập đến. Bài viết tập trung đưa ra và so sánh một số đặc điểm nổi bật của ngôn ngữ thanh thiếu niên Đức và Việt Nam. Thông qua đó, có thể thấy rằng, tính gọn nhẹ, tính mới và từ mượn tiếng Anh là những nét đặc trưng dễ dàng nhận thấy trong ngôn ngữ thanh thiếu niên của cả tiếng Việt và tiếng Đức. Đồng thời, bài viết giới thiệu một số bài tập ứng dụng giảng dạy ngôn ngữ thanh thiếu niên trong giờ học tiếng Đức và một số kết quả đạt được tại Trường Phổ thông Chuyên Ngoại ngữ, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội.

**Từ khóa:** ngôn ngữ thanh thiếu niên; ngôn ngữ trẻ; ngôn ngữ chat.

## CÁC TỪ *СИНИЙ*, *ЗЕЛЁНЫЙ* VÀ CÁC TỪ PHÁI SINH ĐỐI CHIẾU VỚI CÁC ĐƠN VỊ TỪ VỰNG TƯƠNG ĐƯƠNG TRONG TIẾNG VIỆT

Nguyễn Thị Thanh Hà

Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội; Email: nttha2015@hotmail.com.

**Tóm tắt:** Trong tiếng Nga, “*синий*” và “*зелёный*” là hai từ có ý nghĩa phong phú và đa dạng. Cũng giống như nhiều từ chỉ màu sắc khác, các từ phái sinh của hai tính từ trên cũng xuất hiện theo thời gian, đem lại nhiều sắc thái ngữ nghĩa mới. Khi dịch sang tiếng Việt, “*синий*” và “*зелёный*” cùng các từ phái sinh của chúng đều hàm chứa những ý nghĩa và mang phong cách rất riêng. Bài viết dưới đây sẽ trình bày một cách ngắn gọn về các ý nghĩa của hai từ “*синий*” và “*зелёный*” trong tiếng Nga và cách truyền đạt hai từ này cũng như các từ phái sinh của chúng sang tiếng Việt.

**Từ khóa:** từ chỉ màu sắc; tiếng Nga; từ phái sinh; ngôn ngữ Nga.

## TRƯỜNG HỢP ĐỒNG ÂM CỦA “HONG” TRONG TIẾNG HÁN VÀ “HÔNG” TRONG TIẾNG VIỆT

Phạm Ngọc Hàm

Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội;  
Email: phamngocham.nnvhtq@gmail.com.

**Tóm tắt:** Tiếng Hán và tiếng Việt đều là ngôn ngữ âm tiết tính. Trải qua quá trình tiếp xúc ngôn ngữ, tiếng Việt đã tiếp thu một lượng không nhỏ từ vựng tiếng Hán. Sau khi gia nhập hệ thống từ vựng tiếng Việt, các từ Việt gốc Hán này có những biến đổi nhất định về nghĩa, cùng với từ Hán Việt tự tạo và từ thuần Việt khiến cho hiện tượng đồng âm trong tiếng Việt càng trở nên phức tạp, gây trở ngại cho việc tìm hiểu nghĩa từ vựng tiếng Việt cũng như việc học tập tiếng Hán của người Việt Nam. Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi sử dụng phương pháp thống kê, phân tích, so sánh đối chiếu, trên cơ sở ngữ liệu thu thập từ từ điển và thực tiễn ngôn ngữ, tiến hành khảo sát hiện tượng đồng âm của “hong” trong tiếng Hán và “hông” trong tiếng Việt, chỉ ra những khác biệt giữa chúng, nhằm góp một tài liệu tham khảo cho công tác dạy học tiếng Việt và tiếng Hán ở Việt Nam.

**Từ khóa:** tiếng Hán; tiếng Việt; “hóng”; “hông”.



## SỬ DỤNG CÁC TÁC PHẨM VĂN HỌC TRONG GIẢNG DẠY TIẾNG ANH ĐỂ TĂNG ĐỘNG LỰC HỌC TẬP CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ, ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

**Nguyễn Thúy Hạnh**

Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội

Email: thuy\_hanh\_9688@yahoo.com

**Tóm tắt:** Người học thiếu động lực học tập là một trong những vấn đề nan giải nhất mà giáo viên dạy ngôn ngữ gặp phải. Tại Trường Đại học Công nghệ - ĐHQGHN, nhiều sinh viên cho rằng tiếng Anh không cần thiết cho công việc tương lai của mình nên các em không tập trung học tập và chỉ đến lớp cho đủ điều kiện được thi cuối kì. Văn học đã được áp dụng thành công tại các quốc gia khác để thu hút sự chú ý của sinh viên vào bài giảng; tuy nhiên, phương pháp này chưa được sử dụng rộng rãi tại Việt Nam. Do đó, tôi quyết định đưa văn học vào các bài giảng môn Tiếng Anh để xem xét hiệu quả của phương pháp này với người học Việt Nam. Kết quả cho thấy việc sử dụng các tác phẩm văn học trong giảng dạy đã khiến sinh viên tích cực tham gia vào các hoạt động trên lớp, cũng như tăng sự hứng thú của các em với việc đọc sách tiếng Anh.

**Từ khóa:** văn học; động lực học tập

## CÁC ĐƯỜNG HƯỚNG LÝ THUYẾT VÀ ỨNG DỤNG TRONG XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH CÁC MÔN HỌC THỰC HÀNH TIẾNG TẠI KHOA SƯ PHẠM TIẾNG ANH TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

**Nguyễn Thị Thu Hằng**

Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội;

Email: ngthuhang@gmail.com.

**Tóm tắt:** Năm 2012, trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHNN - ĐHQGHN) bắt đầu áp dụng chương trình đào tạo mới, theo đó chuẩn đầu ra của sinh viên được quy định dựa theo Khung Tham chiếu châu Âu - cơ sở của Khung Năng lực ngoại ngữ Việt Nam. Việc thay đổi này dẫn đến nhu cầu cần phải xây dựng lại các môn học thực hành tiếng theo những đường hướng mới. Nghiên cứu dưới đây chỉ ra những lý thuyết được áp dụng khi xây dựng các môn học thực hành tiếng tại Khoa Sư phạm Tiếng Anh, cụ thể là Khung Tham chiếu châu Âu, đường hướng tiếp cận năng lực, cơ sở phân nhánh Tiếng Anh học thuật và Tiếng Anh tổng quát, cũng như phương hướng học tập dựa trên các nhiệm vụ thực tế. Nghiên cứu cũng chia sẻ những kinh nghiệm thực tế đã được tích lũy trong quá trình xây dựng các môn học thực hành tiếng tại Khoa Sư phạm Tiếng Anh.

**Từ khóa:** Khung Tham chiếu châu Âu; xây dựng chương trình; tiếp cận năng lực; Tiếng Anh học thuật; Tiếng Anh tổng quát.

## **NHỮNG KHÓ KHĂN SINH VIÊN VIỆT NAM THƯỜNG GẶP TRONG VIỆC PHÂN BIỆT, SỬ DỤNG TÊN RIÊNG CỦA NGƯỜI NGA VÀ CÁCH KHẮC PHỤC**

**Hoàng Thị Hằng**

Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội;  
Email: hanghoangthi.vn@gmail.com.

**Tóm tắt:** Tên riêng có ý nghĩa rất quan trọng đối với mỗi chúng ta. Tên không chỉ là một danh tính đại diện cho mỗi cá nhân mà còn có ảnh hưởng ít nhiều tới các vấn đề xã hội như: giao tiếp, sự nghiệp, nhân cách của con người. Đặc biệt, đối với những người chưa từng gặp mặt, tên riêng phần nào giúp chúng ta có những hình dung về họ. Ngoài ra, việc xưng hô bằng tên riêng trong cuộc nói chuyện với người đối diện sẽ cho thấy bạn nhìn nhận họ với tư cách một cá nhân nói riêng chứ không phải đối tượng chung chung, qua đó thể hiện sự tôn trọng của bạn với người này. Điều này khiến cuộc trò chuyện trở nên nhẹ nhàng, thân thiện hơn. Tuy nhiên việc sử dụng tên riêng khi giao tiếp không phải lúc nào cũng dễ dàng, đặc biệt là tên của người nước ngoài, bởi sự khác nhau của những nền văn hoá dẫn đến sự khác biệt về ý nghĩa, cách sử dụng tên riêng của từng đất nước. Việc hiểu và sử dụng đúng tên riêng của người nước ngoài đặc biệt quan trọng với những người học ngoại ngữ. Nhưng đối với những sinh viên học tiếng Nga thì điều này khá khó khăn, bởi sự khác biệt giữa ý nghĩa, cách sử dụng tên riêng trong tiếng Nga và tiếng Việt rất lớn. Tuy nhiên nếu nắm được hết những đặc điểm, quy tắc trong việc sử dụng tên riêng của người Nga thì việc khắc phục được những khó khăn đó là hoàn toàn có thể.

**Từ khoá:** họ; tên; phụ danh; tên thân mật; hậu tố.

## **TỪ MỘT THỬ NGHIỆM - DỰ ÁN DISCOVERY - CHO SINH VIÊN SPTA CHẤT LƯỢNG CAO: GIÁO DỤC THEO ĐỊNH HƯỚNG CHUẨN BỊ CHO TƯƠNG LAI**

**Nguyễn Thu Lệ Hằng**

Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQGHN  
Email: hang.nguyenthule@gmail.com

**Tóm tắt:** Báo cáo này trình bày về một dự án thử nghiệm cho sinh viên năm thứ nhất hệ chất lượng cao Sư phạm tiếng Anh, Khoa Sư phạm tiếng Anh, Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội. Dự án áp dụng mô hình học tập của thế kỷ 21 và theo định hướng giáo dục chuẩn bị cho tương lai. Báo cáo chia sẻ kết quả khảo sát ban đầu trước khi thực hiện dự án, về hứng thú và mức độ đầu tư của người học và những kỹ năng, năng lực cần thiết để thực hiện dự án, cũng như những kết quả học tập mong đợi.

**Từ khoá:** giáo dục chuẩn bị cho tương lai; mô hình học tập thế kỷ 21; năng lực toàn cầu.

## THỰC HÀNH NGỮ PHÁP TIẾNG ANH QUA CÁC HOẠT ĐỘNG NGÔN NGỮ SÁNG TẠO

Trần Thị Thu Hiền

Trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định; Email: tranhiencdspnd@gmail.com.

**Tóm tắt:** Thực hành ngữ pháp tiếng Anh qua các hoạt động ngôn ngữ sáng tạo mang lại những hiệu quả tích cực cho người học. Người học có động lực và có mục đích học hơn khi thực hành ngữ pháp bằng các hoạt động ngôn ngữ sáng tạo. Người học nắm bắt các vấn đề ngữ pháp sâu hơn, ứng dụng ngữ pháp vào các tình huống giao tiếp tốt hơn, đồng thời phát triển các kỹ năng ngôn ngữ.

**Từ khóa:** thực hành ngữ pháp; hoạt động ngôn ngữ sáng tạo.

## ĐỐI SÁNH NHƯ LÀ BƯỚC ĐỆM TRONG VIỆC THAM GIA VÀO BẢNG XẾP HẠNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ

Phạm Hùng Hiệp\*, Vũ Minh Huyền\*\*

\*Trường Đại học Văn hoá Trung Hoa Đài Loan; Email: phamhungghiep@gmail.com.

\*\* Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội.

**Tóm tắt:** Tham gia đánh giá đối sánh và xếp hạng là hai xu hướng được nhiều trường đại học trên thế giới lựa chọn nhằm nâng cao chất lượng, tăng cường uy tín trong khoảng hơn 10 năm trở lại đây. Nhằm xem xét mối liên hệ giữa đối sánh và xếp hạng, nghiên cứu sử dụng dữ liệu của đánh giá đối sánh QS stars và xếp hạng đại học QS Châu Á năm 2016 và thu được kết quả cho thấy có sự tương quan tuyến tính giữa kết quả đối sánh và thứ tự của trường đại học trên bảng xếp hạng. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đưa ra gợi ý với các trường đại học và các chính phủ có thể sử dụng đối sánh như là bước đệm, trước khi có thể tham gia vào các bảng xếp hạng đại học toàn cầu trong tương lai.

**Từ khóa:** đối sánh; xếp hạng; QS; đại học; chất lượng.

## GIỌNG ĐIỆU GIẢI BÀY TRONG THƠ CÔNG GIÁO VIỆT NAM HIỆN ĐẠI

Nguyễn Thị Kim Hồng

Trường Đại học Tây Nguyên; Email: nguyengkimhong504@gmail.com.

**Tóm tắt:** Thơ Công giáo có vị trí quan trọng trong thơ Việt Nam hiện đại, thơ tôn giáo với giọng điệu riêng biệt và những thành tựu nghệ thuật độc đáo góp phần làm cho diện mạo thơ Việt Nam hiện đại thêm nhiều sắc màu, nhiều giọng điệu. Đã có một số công trình đề cập đến giọng điệu ngôn ngữ thơ của Hàn Mặc Tử, tuy nhiên chưa có công trình nào nghiên cứu về giọng điệu thơ trong thơ Công giáo Việt Nam sau 1945, đặc biệt là tìm hiểu về giọng giải bày, chia sẻ. Trong bài viết này, tác giả sẽ tìm hiểu về giọng điệu trong thơ của các nhà thơ Công giáo Việt Nam hiện đại, trong đó chú ý đến giọng giải bày chia sẻ tâm tư của thi nhân trong thơ Công giáo.

**Từ khóa:** thơ Công giáo Việt Nam; giọng điệu.

## GIẢNG DẠY TIẾNG PHÁP DU LỊCH TẠI KHOA NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA PHÁP

**Bùi Thị Thu Hương**

Trường Đại học Ngoại ngữ – ĐHQGHN

Email: [thuhuong130291@gmail.com](mailto:thuhuong130291@gmail.com)

**Tóm tắt:** Bài viết trình bày thực trạng tình hình dạy và học tiếng Pháp du lịch tại khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Pháp qua phương pháp mô tả bằng kỹ thuật điều tra bằng bảng hỏi và phỏng vấn đối với sinh viên và giáo viên học tập và giảng dạy môn học này. Dựa trên những dữ liệu thu thập được, chúng tôi đề xuất một số khuyến nghị cụ thể nhằm cải thiện chất lượng dạy và học của bộ môn tiếng Pháp du lịch tại Khoa Ngôn ngữ và Văn hoá Pháp, Trường Đại học Ngoại Ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội.

**Từ khóa:** tiếng Pháp du lịch; chương trình học tiếng Pháp du lịch; giáo trình; phương pháp giảng dạy.

## KHÁI LƯỢC VỀ CHỮ VIẾT VIỆT NAM QUA CÁC THỜI KỲ LỊCH SỬ

**Nguyễn Thị Thu Hương**

Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội; Email:

[nguyenhuongbr369@gmail.com](mailto:nguyenhuongbr369@gmail.com).

**Tóm tắt:** Chữ viết là sự sáng tạo kì diệu của con người, lưu giữ tất cả các sự kiện lịch sử, thành tựu văn hóa, văn minh của mỗi dân tộc, mỗi đất nước. Từ giả thuyết về “chữ Việt cổ” thời Hùng Vương, đến chữ Hán, chữ Nôm được sử dụng suốt gần hai thiên niên kỷ trong quá khứ và hiện tại là chữ Quốc ngữ, các loại chữ viết tạo thành một tấm gương phản ánh chính xác số phận thăng trầm, đấu tranh, vươn lên mãnh liệt của dân tộc Việt Nam, bản thân chữ viết cùng tiếng Việt trở thành những thành tố vô cùng quan trọng trong dòng chảy lịch sử văn hóa Việt.

**Từ khóa:** chữ Việt cổ; chữ Hán; chữ Nôm; chữ Quốc ngữ; cải cách chữ viết.

## NGHIÊN CỨU TÌNH HUỐNG VỀ SINH VIÊN NỮ NGƯỜI MỸ GỐC Á: BẢN DANH VÀ QUAN NIỆM VỀ VAI TRÒ GIỚI CỦA HỌ TRONG SỰ GIAO THOA GIỮA TÔN GIÁO, VĂN HÓA, SẮC TỘC VÀ GIỚI TÍNH

**Hoàng Thị Thanh Huyền**

Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội;

Email: hth2712@gmail.com.

**Tóm tắt:** Bài nghiên cứu của tôi tập trung vào nhóm phụ nữ Cơ Đốc giáo người Mỹ gốc Á, những người tham gia vào nhóm AACF tại Trường Đại học New York, Mỹ. Tôi hi vọng sẽ tìm ra được mối quan hệ giữa quan niệm về giới của họ, với bản danh sắc tộc (ethnic identity) và niềm tin tôn giáo (faith). Bản danh sắc tộc và niềm tin tôn giáo của họ cùng nhau định hình vị trí của họ trong thế giới và từ đó ảnh hưởng đến quan điểm về giới. Và nhóm AACF đã đóng một vai trò quan trọng trong việc xây dựng bản danh và kết nối họ với nhau bằng niềm tin. Tóm lại, bài nghiên cứu này đi tìm hiểu các động lực khiến những người phụ nữ này tham gia vào nhóm AACF và trở thành thành viên tích cực, cũng như những hỗ trợ, lợi ích mà nhóm tôn giáo tại trường đại học như AACF cung cấp cho họ. Tôi cho rằng mối quan hệ giữa sắc tộc, niềm tin tôn giáo, và giới thì phức tạp và phụ thuộc vào từng trường hợp cụ thể. Nghiên cứu của tôi tập trung vào 7 tình huống cụ thể, đó là các bạn sinh viên nữ tại Trường Đại học New York ở Mỹ. Các sinh viên nữ trẻ tuổi tại AACF giống nhau ở nền tảng sắc tộc và giáo dục, nhưng bản danh (identities) của họ khác nhau theo từng trường hợp.

**Từ khóa:** sinh viên Mỹ gốc Á; giới; sắc tộc; tôn giáo; bản danh.

## HOẠT ĐỘNG CHỮA BÀI LUẬN TIẾNG ANH CỦA GIÁO VIÊN VÀ CHẤT LƯỢNG TIẾN BỘ TRONG KỸ NĂNG VIẾT CỦA NGƯỜI HỌC: MỘT ĐÁNH GIÁ TỔNG QUAN

**Phạm Thị Thu Huyền**

Trường Đại học Ngoại ngữ – Đại học Quốc gia Hà Nội;

Email: huyenpham.hulis.vnu@gmail.com

**Tóm tắt:** Các nghiên cứu trong hai thập kỷ vừa qua về hoạt động chữa và nhận xét bài viết tiếng Anh của học sinh từ giáo viên đã cho thấy những kết quả trái chiều về hiệu quả của hoạt động này đối với sự phát triển kỹ năng viết của học sinh. Những gì được đánh giá cao bởi các nhà nghiên cứu ngôn ngữ và phương pháp giảng dạy với những gì đang thực sự diễn ra trong các lớp học viết tiếng Anh ở ngoài thực tế có một khoảng trống chưa kết nối được. Do đó, việc nghiên cứu hoạt động chữa bài trong thực tế của giáo viên tiếng Anh có ý nghĩa giảng dạy thực tiễn rất lớn để kết nối giữa nghiên cứu và thực tế. Bài báo này sẽ phân tích đánh giá một cách chi tiết những kết quả nghiên cứu của các nghiên cứu gần đây về tính hiệu quả của hoạt động chữa bài của giáo viên đối với sự tiến bộ kỹ năng viết của học sinh nhằm đưa ra những nhận xét mang tính tổng quát về tình hình nghiên cứu đề tài này hiện nay, và đưa ra những gợi ý về các phương pháp chữa lỗi bài viết cho giáo viên sao cho có thể phát huy tối đa hiệu quả của hoạt động chữa bài đối với sự phát triển kỹ năng viết tiếng Anh của học sinh.

**Từ khóa:** chấm chữa bài viết tiếng Anh; kỹ năng viết tiếng Anh; giảng dạy tiếng Anh.

## **PHẢN HỒI CỦA SINH VIÊN KHOA SƯ PHẠM TIẾNG ANH, TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ, ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI VỚI HOẠT ĐỘNG ĐỌC RỘNG ĐỂ HỌC TỪ VỰNG**

**Phạm Văn Khoa**

Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQGHN

Email: lemonkhoa11@gmail.com

**Tóm tắt:** Nghiên cứu tìm hiểu phản hồi của sinh viên năm thứ nhất, khoa Sư phạm tiếng Anh, về việc sử dụng hoạt động “đọc rộng” để học từ vựng. Nghiên cứu được tiến hành trên một nhóm sáu sinh viên chuyên ngành tiếng Anh, sử dụng một số tác phẩm văn học phổ biến bằng tiếng Anh (phiên bản đã được đơn giản hóa), để kiểm chứng xem việc đọc các tác phẩm này giúp người học cải thiện được vốn từ vựng cũng như độ tự tin trong việc sử dụng từ vựng tới đâu. Kết quả nghiên cứu cho thấy sinh viên nhìn chung tỏ ra hứng thú với các tác phẩm văn học đã được lựa chọn trong chương trình học, nhận thấy được tính hiệu quả của việc sử dụng các tác phẩm đó để học từ vựng, và tỏ ra tự tin hơn khi sử dụng các từ vựng đã học trong thảo luận, trao đổi nhóm. Kết quả này có thể được sử dụng để giúp cải tiến chương trình học môn Tiếng Anh 1A và 2A mà bộ môn Tiếng Anh 1 đang giảng dạy, vì hoạt động đọc rộng cũng là một hoạt động học trọng tâm của hai môn học này.

**Từ khóa:** Đọc rộng, học từ vựng.

## **HÌNH ẢNH “CHÓ” VÀ “MÈO” TRONG CÁC THÀNH NGỮ TIẾNG VIỆT VÀ TIẾNG NGA**

**Nguyễn Thị Hương Lan**

Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội;

Email: Lannh11@yahoo.com.

**Tóm tắt:** Thành ngữ đóng vai trò hết sức quan trọng trong đời sống văn hóa và ngôn ngữ của mỗi dân tộc. Việc so sánh các thành ngữ có những đặc điểm chung ở một khía cạnh nào đó trong các thứ tiếng khác nhau là rất cần thiết cho những người học và nghiên cứu ngôn ngữ. Thành ngữ so sánh với các từ chỉ “con chó” và “con mèo” trong tiếng Nga và tiếng Việt đều hết sức đa dạng. Người ta dùng hình ảnh “con chó” và “con mèo” để miêu tả, phản ánh các hành vi, tính cách của con người, các hiện tượng trong đời sống xã hội. Quan niệm của người Nga và người Việt về loài chó và loài mèo có nhiều điểm tương đồng, nhưng cũng có không ít khác biệt. Nghiên cứu những sự tương đồng và khác biệt này giúp chúng ta hiểu nhiều điều thú vị về văn hóa và ngôn ngữ của cả hai dân tộc.

**Từ khóa:** thành ngữ; so sánh; con chó; con mèo; tiếng Việt; tiếng Nga.

## ẢN DỤ Ý NIỆM CẢM XÚC “VUI” TRONG THÀNH NGỮ TIẾNG PHÁP VÀ TIẾNG VIỆT

**Bùi Thị Ngọc Lan**

Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội; Email: ngooclan611@yahoo.com.

**Tóm tắt:** Theo các nhà nghiên cứu thuộc trường phái ngôn ngữ học tri nhận, bản chất tình cảm con người rất trừu tượng và trong một chừng mực nhất định, nó được ý niệm hóa và diễn tả qua những ẩn dụ dựa trên cơ sở nghiệm thân kết hợp với mô hình văn hóa. Nằm trong xu hướng nghiên cứu bức tranh ngôn ngữ về thế giới, bài viết này quan tâm đến những biểu thức ẩn dụ thể hiện cảm xúc VUI thu thập được từ hệ thống ngữ liệu thành ngữ trong tiếng Pháp và tiếng Việt. Từ việc phân tích ngữ liệu là 159 câu thành ngữ trong tiếng Pháp và tiếng Việt, chúng tôi phát hiện một số ẩn dụ tương đồng trong việc ý niệm hóa cảm xúc VUI trong hai ngôn ngữ, chủ yếu xuất phát từ những điểm tương tự trong hiểu biết cơ bản về sinh lý học của con người. Mặt khác, xuất phát từ môi trường địa lý, từ quan niệm về giá trị, từ lối suy nghĩ và cách nhìn nhận thế giới của hai dân tộc, những ẩn dụ ý niệm về niềm vui trong tiếng Pháp và tiếng Việt đều mang những nét đặt trưng riêng.

**Từ khóa:** ẩn dụ ý niệm; cảm xúc vui; văn hóa; thành ngữ.

## PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY: ĐỊNH HƯỚNG TỪ BÀI THI CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH?

**Nguyễn Thúy Lan**

Trường Đại học Ngoại ngữ – ĐHQGHN

Email: lanthuy.nguyen@gmail.com

**Tóm tắt:** Khi áp lực thi cử quá lớn, liệu giáo viên dạy chỉ để giúp sinh viên thi đỗ một bài thi có tầm quan trọng cao? Nghiên cứu cố gắng tìm ra câu trả lời bằng việc quan sát ba lớp đại diện cho ba học phần tiếng Anh cơ sở (TACS): TACS1, TACS2 và TACS3 tại Đại học quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN). Bối cảnh ở đây là ở TACS1 và TACS2 trang bị cho các em các kiến thức ngôn ngữ nền tảng và khi kết thúc học phần TACS3, sinh viên sẽ phải làm bài thi chuẩn đầu ra VSTEP và phải đạt được bậc 3 thì mới đủ điều kiện xét tốt nghiệp. Kết quả nghiên cứu bước đầu cho thấy bài thi VSTEP có ảnh hưởng đến các hoạt động dạy diễn ra trong lớp học, thể hiện cụ thể ở cách giáo viên tổ chức lớp, lựa chọn nội dung bài học, lựa chọn tài liệu dạy và mức độ tạo điều kiện cho sinh viên tham gia xây dựng nội dung bài học. Giáo viên dường như chú trọng hơn đến việc luyện cho thí sinh quen với dạng bài, cách làm bài thi hơn là phát triển năng lực ngôn ngữ giao tiếp của thí sinh. Tuy nhiên, ba lớp học là con số rất nhỏ nên sẽ những dữ liệu thu được sẽ không thể mang tính đại diện cho tất cả các lớp học ở cùng một học phần.

**Từ khóa:** bài thi quan trọng; phương pháp giảng dạy; ảnh hưởng.

## PHẢN HỒI CỦA NGƯỜI HỌC VỀ HÌNH THỨC KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ MÔN BIÊN DỊCH VÀ BIÊN DỊCH NÂNG CAO

**Tống Thị Mỹ Liên**

Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội;

Email: tongthimylie85yahoo.com.

**Tóm tắt:** Công tác lấy ý kiến phản hồi từ phía người học là một phần không thể thiếu trong giáo dục, đặc biệt trong bối cảnh giảng dạy Tiếng Anh như một ngoại ngữ. Tại Trường Đại học Ngoại ngữ (ĐHNN) - Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN), trong những năm gần đây, hoạt động lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên đã được chú trọng với một phần khảo sát về hoạt động kiểm tra, đánh giá. Tuy nhiên, kết quả thu được chưa đem lại cái nhìn tổng quát về từng môn học cụ thể. Vì vậy, nghiên cứu này đã được tiến hành nhằm tìm hiểu ý kiến, quan điểm của người học về hoạt động kiểm tra đánh giá của hai môn học quan trọng, cơ bản của Bộ môn Dịch: Biên dịch (BD) và Biên dịch nâng cao (BDNC). Nghiên cứu được tiến hành trong một tháng, với công cụ nghiên cứu là bảng câu hỏi khảo sát. Kết quả nghiên cứu cho thấy đa số sinh viên đã hài lòng với hình thức kiểm tra đánh giá của hai môn học này, nhưng cũng có một phần không nhỏ cho rằng cần phải có điều chỉnh về tỉ trọng của bài kiểm tra giữa kì và cuối kì.

**Từ khóa:** phản hồi của người học; kiểm tra; đánh giá; biên dịch.

## MỨC ĐỘ HIỂU BIẾT CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG VỀ DỊCH CHUYỂN LAO ĐỘNG TRONG ASEAN: THỰC TRẠNG VÀ KIẾN NGHỊ

**Lê Thị Phương Loan\*, Võ Thị Giang\*\***

\* Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng; Email: ltploan@ufl.udn.vn.

\*\* Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng; Email: giangvodhnn@gmail.com.

**Tóm tắt:** Bài nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá những tác động của các thỏa thuận công nhận lẫn nhau (MRAs) trong Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) tới sự tự do dịch chuyển lao động trong khu vực, đồng thời đánh giá mức độ quan tâm tới vai trò của MRAs, cũng như hiểu biết của sinh viên Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng (ĐHNN-ĐHĐN) về MRAs và các lĩnh vực ngành nghề được tự do di chuyển trong ASEAN. Ngoài ra, bài nghiên cứu khảo sát sự chuẩn bị của sinh viên Trường ĐHNN-ĐHĐN trước cơ hội việc làm mở cửa như hiện nay. Bài nghiên cứu cũng đề xuất một số giải pháp nhằm trang bị kiến thức đầy đủ hơn cho sinh viên, góp phần vào việc rèn luyện bản thân, phát triển các kỹ năng mềm để sinh viên có sự chuẩn bị tốt hơn trước những cơ hội nghề nghiệp trong thời kỳ hội nhập kinh tế trong khu vực Đông Nam Á.

**Từ khóa:** cộng đồng kinh tế ASEAN; thỏa thuận công nhận lẫn nhau; Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng; kỹ năng mềm; dịch chuyển lao động.



## ỨNG DỤNG BÀI TẬP NGHE CHÍNH TẢ ĐỂ HỖ TRỢ NÂNG CAO KỸ NĂNG NGHE TIẾNG ANH CỦA SINH VIÊN CHUYÊN NGỮ NĂM THỨ NHẤT

**Nguyễn Văn Long, Võ Nguyễn Thùy Trang**

Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng;  
Email: nvlong@ufl.udn.vn; trangvo2807@gmail.com

**Tóm tắt:** Bài nghiên cứu trình bày việc ứng dụng bài tập nghe chính tả và khảo sát tính hiệu quả của phương thức này trong việc cải thiện kỹ năng nghe tiếng Anh của sinh viên (SV). Tác giả tiến hành áp dụng bài tập nghe chính tả vào quá trình thực hành nghe tiếng Anh, và điều tra khảo sát kết quả thông qua bảng câu hỏi khảo sát, phỏng vấn 36 sinh viên năm thứ nhất chuyên ngành Ngôn ngữ Anh, Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng (ĐHĐN). Kết quả chỉ ra tất cả SV đều gặp khó khăn với kỹ năng nghe tiếng Anh và thừa nhận rằng việc áp dụng phương pháp nghe chính tả giúp SV phát triển kỹ năng nghe tốt hơn. Tác giả cũng đồng thời thảo luận các giải pháp, trình bày các công cụ hỗ trợ thiết kế bài tập nghe chính tả, giúp giáo viên và SV sử dụng hiệu quả kỹ thuật nghe chính tả này.

**Từ khóa:** quá trình nghe; nghe chính tả; sinh viên năm thứ nhất; khó khăn; kỹ năng nghe.

## SỬ DỤNG NGHIÊN CỨU ĐIỂN HÌNH TRONG GIẢNG DẠY TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI: PHẢN HỒI TỪ NGƯỜI TRONG CUỘC

**Phạm Ngọc Khánh Ly**

Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội; Email: phkhanhly@gmail.com.

**Tóm tắt:** Nghiên cứu điển hình, một ví dụ của phương pháp học tập thông qua hoàn thành nhiệm vụ, đã trở nên phổ biến trong các khoá học Tiếng Anh chuyên ngành một thời gian khá lâu. Đã có một số lượng đáng kể các nghiên cứu trình bày lợi ích và cơ hội khi sử dụng các nghiên cứu điển hình trong các lớp Tiếng Anh Thương mại, nhưng chúng gần như chỉ là nhận định, không có nghiên cứu thực tiễn lớp học. Do đó, nghiên cứu này nhằm tìm kiếm phản hồi từ giảng viên và sinh viên về các tiêu chí cho một nghiên cứu điển hình được thiết kế tốt, các giai đoạn thực hiện, mục đích, lợi ích và thách thức đặt ra trong các nghiên cứu trường hợp. Năm giảng viên và 54 sinh viên đã tham gia nghiên cứu. Họ đã được khảo sát thông qua các câu hỏi mở và các cuộc phỏng vấn sâu. Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng có bảy giai đoạn để giải quyết một nghiên cứu điển hình theo ý kiến của cả giảng viên lẫn sinh viên. Không có câu trả lời nào liên quan đến các tiêu chí cho một nghiên cứu điển hình được thiết kế tốt vì chúng chỉ đơn giản được chọn từ sách giáo khoa Tiếng Anh Thương mại bởi tất cả đều sẵn có và dễ áp dụng. Cả giảng viên và sinh viên đều nhận thức được mục đích cuối cùng để sử dụng nghiên cứu điển hình là chuẩn bị cho các tình huống kinh doanh trong cuộc sống thực và phát triển các kỹ năng mềm như giải quyết vấn đề hoặc sử dụng máy vi tính. Hầu hết sinh viên đều thấy trở ngại lớn nhất là sự hạn chế trong kiến thức kinh doanh; đa số các em phải sử dụng Internet để tìm kiếm giải pháp và số ít đề nghị giáo viên hướng dẫn thêm. Mặt khác, các giảng viên chỉ ra rằng thiếu động lực học tập của sinh viên là khó khăn lớn nhất và đã cố gắng để phát huy tính tự giác trong học tập của sinh viên. Kết quả nghiên cứu hy vọng sẽ thu hẹp khoảng cách giữa sự kỳ vọng của sinh viên với thực tiễn áp dụng nghiên cứu điển hình của giảng viên.

**Từ khóa:** nghiên cứu điển hình; tiếng Anh Thương mại; ESP; nghiên cứu liên ngành.

## TRUYỆN TRANH VỚI TRẺ EM TRONG THỜI KỲ HỘI NHẬP

**Ngô Thanh Mai**

Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội;

Email: thanhmai.ulis@gmail.com.

**Tóm tắt:** Trong bối cảnh quốc tế hóa hiện nay, cùng với giao lưu kinh tế, văn hóa, xã hội trên phạm vi toàn cầu, sự du nhập của các sản phẩm văn hóa nước ngoài vào Việt Nam ngày càng phong phú, đa dạng, trong đó có truyện tranh, đặc biệt là truyện tranh Nhật Bản, được đông đảo trẻ em Việt Nam đón nhận nồng nhiệt. Tuy nhiên, sự đan xen lệch chuẩn giữa các giá trị tích cực và tiêu cực của loại truyện này đã ảnh hưởng không nhỏ đến tư tưởng, đạo đức, tình cảm và việc hình thành nhân cách của trẻ em. Đó là một vấn đề đang được cả xã hội quan tâm. Những nội dung này đã được chúng tôi phân tích trong một số bài báo đã công bố trước đây. Trong bài viết này, trên cơ sở phân tích một số chi tiết nhạy cảm trong truyện tranh Nhật Bản, chúng tôi áp dụng phương pháp khảo sát, làm rõ thực trạng đọc truyện tranh của trẻ em Việt Nam hiện nay, từ đó đưa ra một số gợi ý về định hướng lựa chọn truyện tranh phù hợp với lứa tuổi và văn hóa Việt Nam nhằm nâng cao hiệu quả đọc loại truyện này cho các em.

**Từ khóa:** truyện tranh; truyện tranh Nhật Bản; trẻ em Việt Nam; văn hóa đại chúng.

## DƯỢC TÍNH CA QUÁT - CUỐN SÁCH QUÝ TRONG GIẢNG DẠY CHỮ HÁN, CHỮ NÔM VÀ NHỮNG TRI THỨC GIÁ TRỊ VỀ Y HỌC TRUYỀN THỐNG Ở NƯỚC TA

**Đinh Thị Thanh Mai**

Trường Đại học Khoa học Huế - Đại học Huế

(NCS Trường ĐHKHXH&NV – Đại học Quốc gia Hà Nội)

**Tóm tắt:** Dược tính ca quát là một trong những văn bản thuộc chủ đề Dược tính theo sự phân loại của Viện nghiên cứu Hán Nôm. Văn bản này từ lâu luôn được đông đảo quần chúng đón nhận và đánh giá cao dưới nhiều góc độ (văn bản, văn tự học). Khi nghiên cứu thư tịch này, bên cạnh những giá trị hiển nhiên của một văn bản học, văn tự học Hán Nôm, chúng tôi tập trung đi vào tìm hiểu, đánh giá Dược tính ca quát – cuốn sách quý trong giảng dạy chữ Hán, chữ Nôm và cung cấp những tri thức giá trị về y học truyền thống ở nước ta. Do vậy, bài viết sẽ triển khai theo hai nội dung:

1. Dược tính ca quát- cuốn sách quý trong giảng dạy chữ Hán, chữ Nôm
2. Dược tính ca quát- cuốn sách quý cung cấp những tri thức giá trị về y học truyền thống ở nước ta.

Qua đó, rút ra những kết luận cần thiết trong công tác giảng dạy chữ Hán, chữ Nôm – loại văn tự mang đậm dấu ấn văn hóa, lịch sử của người Việt.

**Từ khóa:** dược tính ca quát; dược liệu; phú; văn tự.

## VẬN DỤNG CÁC ĐOẠN HỘI THOẠI SỰ PHẠM GIÀU TÍNH NGÔN NGỮ XÃ HỘI HỌC TRONG GIẢNG DẠY TIẾNG ANH

**Nguyễn Ngọc Nhật Minh**

Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng

Email: nhatminh8989@gmail.com

**Tóm tắt:** Việc sử dụng các đoạn hội thoại sự phạm giàu tính ngôn ngữ xã hội học cho phép người học tiếp cận với ngôn ngữ dùng trong thực tế và các biến thể ngôn ngữ khác với ngôn ngữ dùng trong sách giáo khoa. Phương pháp này yêu cầu người học thu âm các cặp người nói biểu diễn lại đoạn hội thoại mẫu nhưng không phải ghi nhớ thuộc lòng. Những người tham gia hội thoại diễn lại đoạn hội thoại mẫu dựa trên các gợi ý về những hành vi lời nói (speech act) tóm lược từ bài mẫu. Bài báo cáo này trình bày kết quả thử nghiệm phương pháp trên với ba cặp người tham gia nói tiếng Anh bao gồm là người bản xứ và không phải bản xứ. Dữ liệu thu được cho thấy ngôn ngữ của người nói phản ánh danh tính (identities) và vai trò họ đảm nhận trong khi hội thoại. Quá trình phân tích định tính dẫn đến những đề xuất cho dạy và học, bao gồm quan điểm dạy học truyền thống (prescriptivist) như thế nào đối với loại ngôn ngữ thực tế này và hiệu quả của phương pháp sử dụng các đoạn hội thoại sự phạm giàu tính ngôn ngữ xã hội đối với vốn ngôn ngữ chủ động (công cụ sản xuất).

**Từ khóa:** hội thoại giàu tính ngôn ngữ xã hội học; ngôn ngữ thực tế; các biến thể ngôn ngữ; danh tính; vốn ngôn ngữ.

## NHỮNG KHÓ KHĂN SINH VIÊN VIỆT NAM THƯỜNG GẶP PHẢI KHI HỌC TIẾNG NGA VÀ CÁCH KHẮC PHỤC

**Lê Quỳnh Nga**

Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội;

Email: quynhngaminsk@gmail.com.

**Tóm tắt:** Tiếng Nga là ngôn ngữ được sử dụng tại Nga và tương đối phổ biến ở một số quốc gia thuộc Liên Xô trước đây. Hiện nay ước tính có khoảng 300 triệu người trên thế giới sử dụng tiếng Nga làm ngôn ngữ chính. Nga là Ủy viên thường trực của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, có vai trò quan trọng tại nhiều khu vực và quốc gia trên thế giới, nên tiếng Nga được chọn là một trong sáu thứ tiếng chính thức tại Liên hợp quốc và được sử dụng rộng rãi tại các diễn đàn Quốc tế khác. Tiếng Nga được cho là một trong những ngôn ngữ rất khó học (được xếp vào 1 trong 5 thứ tiếng khó học nhất). Tuy nhiên, sự phức tạp trong việc học một ngoại ngữ còn phụ thuộc vào ngôn ngữ mẹ đẻ của người học. Bài viết phân tích một số khó khăn điển hình của người Việt nói chung và sinh viên Việt nói riêng khi học tiếng Nga và cách khắc phục chúng.

**Từ khóa:** tiếng Nga; giao tiếp; phát âm; trọng âm; động lực học tập.

## QUẢN TRỊ BẰNG MỤC TIÊU ĐỂ KHƠI NGUỒN DOPAMINE NỘI SINH, GIA TĂNG HỨNG THÚ HỌC TẬP

**Nguyễn Thị Hằng Nga\*, Nguyễn Thị Hợp\*, Nguyễn Ngọc Toàn\*\***

\*Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội.

\*\*Trường Đại học Y Dược Hải Phòng; Email: hangngakhtn@yahoocom.com.

**Tóm tắt:** Động lực làm việc và học tập là kho báu mà tất cả các giáo viên không ngừng tìm kiếm. Cái gì tạo ra cảm giác có động lực? Đó chính là hóa chất dopamine mà cơ thể tự sinh ra trong não. Dopamine có thể làm cho con người trở nên tập trung và tỉnh táo. Để tăng dopamine nội sinh, chúng tôi triển khai dùng nguyên tắc quản trị bằng mục tiêu MBO (Management by Objective) trong một nghiên cứu hành động đối với 22 sinh viên. Theo đó, nhiệm vụ khó khăn của khóa học được chia thành 21 mục tiêu nhỏ hơn. Điều này đồng nghĩa với việc sinh viên chủ động được “bức tranh” nhiệm vụ tổng thể và được cung cấp dopamine đều đặn mỗi khi hoàn thành một trong 21 mục tiêu. Kết quả của nghiên cứu này là: 1) giảm nhẹ áp lực học tập đáng kể; 2) tạo môi trường làm việc chủ động, trách nhiệm; 3) rèn luyện kỹ năng quản trị mục tiêu (bao gồm thiết lập, thực thi, đánh giá, theo dõi).

**Từ khóa:** động lực; Dopamine; quản trị bằng mục tiêu.

## HÌNH TƯỢNG NGƯỜI MỸ GỐC Á TRONG TIẾT MỤC HÀI ĐỘC THOẠI BỞI NGƯỜI MỸ GỐC Á

**Phạm Kiều Ngân, Trương Minh Hằng**

Trường Đại học Ngoại Ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội;

Email: minhhangtruong95@gmail.com.

**Tóm tắt:** Trong bối cảnh truyền thông bình dân tại Hoa Kỳ dành ít quan tâm tới người Mỹ gốc Á, sự lên ngôi của các nghệ sĩ gốc Á trong thể loại hài độc thoại có thể coi là một hiện tượng đặc biệt. Nhờ vào đặc thù của loại hình biểu diễn này, các tiết mục hài độc thoại dần trở thành một “sân chơi” độc nhất vô nhị dành cho nhóm thiểu số gốc Á ở Hoa Kỳ, nơi họ được trao quyền tự do thể hiện bản thân mà không phải gò bó vào những khuôn mẫu nhân vật lặp đi lặp lại tạo ra bởi Hollywood. Nghiên cứu này tập trung phân tích sự tái trình hiện hình tượng người Mỹ gốc Á trong các tiết mục hài độc thoại bởi chính người Mỹ gốc Á. Kết quả nghiên cứu cho thấy các hình ảnh khuôn mẫu về nhóm thiểu số này luôn được tương thuật song song với những trải nghiệm cuộc đời thật của người Mỹ gốc Á - yếu tố hài hước được khơi dậy qua việc nhấn mạnh sự vô lý của các khuôn mẫu này. Qua phỏng vấn với bốn người Mỹ gốc Á, các tác giả tìm thấy sự cảm thông với hình tượng người Mỹ gốc Á được trình diễn trong các phân đoạn hài kịch. Ngoài ra, cả bốn nghiệm thể đều chia sẻ quan điểm: để tránh củng cố hình ảnh khuôn mẫu/định kiến xã hội, khán giả của kịch độc thoại cần luôn lưu tâm tới bối cảnh hài kịch của tiểu phẩm cũng như phải có sự chuẩn bị về nhận thức văn hóa.

**Từ khóa:** người Mỹ gốc Á; hài độc thoại; chuyện cười về nhóm thiểu số; hình ảnh khuôn mẫu.

## MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HỨNG THÚ HỌC TIẾNG NGA CHO SINH VIÊN NĂM THỨ 2 - KHOA NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA NGA - TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

**Phạm Dương Hồng Ngọc**

Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQGHN; Email: ngoc241985@gmail.com.

**Tóm tắt:** Hiện nay, trong các lớp học giáo dục đương đại, chúng ta nghe nhiều về việc học và giảng dạy “lấy người học làm trung tâm”. Theo định hướng giáo dục này, niềm hứng thú và sự quan tâm đến việc học của sinh viên được ưu tiên hàng đầu. Theo đó, Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa (NN và VH) Nga cũng đang không ngừng đổi mới phương pháp giảng dạy để giúp sinh viên yêu tiếng Nga hơn và có động lực hơn với ngôn ngữ giàu đẹp này. Trong phạm vi bài viết này, tác giả đi sâu phân tích và đưa ra một số giải pháp hữu ích nhằm nâng cao hứng thú học tiếng Nga ở sinh viên năm thứ hai Khoa NN và VH Nga, Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHNN - ĐHQGHN).

**Từ khóa:** giải pháp; nâng cao hứng thú; học tiếng Nga; sinh viên năm thứ 2 khoa NN và VH Nga - ĐHNN - ĐHQGHN.

## TRẠNG TỪ TIẾNG ANH VÀ PHỤ TỪ TIẾNG VIỆT

**Võ Tú Phương**

Trường Đại học Khánh Hòa; Email: votuphuong@ukh.edu.vn.

**Tóm tắt:** Trạng từ trong tiếng Anh không phải là thành phần cốt yếu của một cấu trúc câu, song nó thường có ảnh hưởng đến ý nghĩa của câu. Việc nghiên cứu, so sánh, đối chiếu về trạng từ tiếng Anh với những yếu tố tương đương trong tiếng Việt chưa đi sâu, tìm hiểu kỹ. Một trong những yếu tố tiếng Việt tương đương với trạng từ tiếng Anh là phụ từ. Bài nghiên cứu nhỏ này sẽ so sánh trạng từ tiếng Anh và phụ từ tiếng Việt trên các bình diện hình thái, vị trí, chức năng, cấu tạo. Việc nghiên cứu này sẽ góp phần vào việc dạy và học tiếng Anh cho người Việt và tiếng Việt cho người nói tiếng Anh, ngoài ra nó cũng giúp cho việc dịch thuật trong việc nhận dạng từ loại để có cách dịch chính xác.

**Từ khóa:** trạng từ; phụ từ; từ loại; tương đương.

## UYỂN NGỮ TRONG GIAO TIẾP TIẾNG VIỆT

**Võ Tú Phương, Nguyễn Thị Hồng Văn**

Đại học Khánh Hòa;

Email: votuphuong@ukh.edu.vn.; nguyenthihongvan@ukh.edu.vn.

**Tóm tắt:** Trong giao tiếp, thường có những từ được xem là trần tục, hay những điều làm mất mặt hay khó chịu cho người nghe cho nên người ta thường phải tránh nói những từ đó hoặc dùng cách diễn đạt khác để thể hiện. Trong những trường hợp này thì uyển ngữ được dùng để thay thế những cách diễn đạt “khó nói này”. Uyển ngữ được sử dụng như một biện pháp để tránh mất lòng nhau, để ý nghĩa không trần tục, để làm cho ý mình muốn diễn đạt thêm gia vị, thêm cảm xúc. Uyển ngữ là một loại từ ngữ được nhắc đến rất ít trong cách sách ngôn ngữ bởi lẽ nó là cách nói giảm nói tránh được dùng trong khẩu ngữ hằng ngày, không thuộc các phong cách nghệ thuật, chính trị... nên nó rất ít được nhắc tới và ít được quan tâm nghiên cứu. Vì lý do trên nên chúng tôi đã tiến hành bài nghiên cứu nhỏ bằng phương pháp phân tích ngôn ngữ về uyển ngữ để giúp những ai quan tâm, hiểu hơn về lớp từ này.

**Từ khóa:** uyển ngữ; giao tiếp; tiếng Việt.

## ỨNG DỤNG VIDEO TRONG VIỆC NÂNG CAO KỸ NĂNG THUYẾT TRÌNH CHO SINH VIÊN

**Phạm Thị Phương**

Trường Đại học Thương mại; Email: phuongpt1204@gmail.com.

**Tóm tắt:** Với vai trò ngày càng quan trọng của kỹ năng thuyết trình bằng tiếng Anh trong học tập cũng như trong công việc, nghiên cứu này tìm hiểu phương pháp áp dụng video nhằm nâng cao kỹ năng thuyết trình bằng tiếng Anh cho sinh viên. Nhóm áp dụng gồm 65 sinh viên không chuyên năm thứ hai, Trường Đại học Thương mại quay video bài thuyết trình ngoài giờ học và nộp cho giáo viên thay vì thuyết trình trước lớp như những kì học trước. Dữ liệu từ điểm, phiếu tự đánh giá kỹ năng thuyết trình, và phiếu điều tra và phỏng vấn nhóm cho thấy hình thức thuyết trình sử dụng video có tác dụng nâng cao kỹ năng thuyết trình cho sinh viên trên nhiều phương diện hơn so với hình thức thuyết trình trên lớp.

**Từ khóa:** Video; quay video; kỹ năng thuyết trình; tiếng Anh; đánh giá.

## KHAI THÁC TÀI LIỆU NGUYÊN BẢN TRONG GIẢNG DẠY NGOẠI NGỮ: NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP VĂN BẢN QUẢNG CÁO

**Đào Thị Thanh Phương**

Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng; Email: dttpuong@ufl.udn.vn.

**Tóm tắt:** Trong quá trình giảng dạy ngoại ngữ, tài liệu nguyên bản được sử dụng: (1) như là một phần của đầu vào ngôn ngữ mà trên cơ sở đó người học sẽ tự kiến tạo kiến thức về ngôn ngữ đang học cho mình; (2) như là một ngôn ngữ sử dụng mà người học phải tiếp xúc để phát triển các kỹ năng. Trong phạm vi bài viết này, tác giả đề xuất cách thức khai thác và sử dụng tài liệu nguyên bản trong giảng dạy ngoại ngữ. Nội dung của bài viết gồm hai phần: phần thứ nhất, dựa trên cơ sở lý thuyết về tài liệu nguyên bản trong giảng dạy ngoại ngữ cụ thể là văn bản quảng cáo, tác giả đã đề xuất một mô hình gồm 7 bước khai thác và các hoạt động cụ thể trên từng thành tố để đi đến được việc hiểu nghĩa tổng quát của văn bản quảng cáo; phần thứ hai là đánh giá mô hình được đề xuất gồm trình tự giảng dạy và nội dung giảng dạy tài liệu quảng cáo qua bảng câu hỏi dành cho giảng viên và kết quả phân tích của khảo sát đã khẳng định tính hợp lý và hiệu quả của mô hình.

**Từ khóa:** tài liệu giảng dạy; nguyên bản; văn bản quảng cáo; hoạt động; tiếp cận nghĩa.

## PHẢN HỒI CỦA DU HỌC SINH NHẬT VỀ HÌNH ẢNH KHUÔN MẪU CON NGƯỜI NHẬT BẢN DƯỚI GÓC NHÌN CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

**Đỗ Như Quỳnh**

Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQGHN;  
Email: quynhnhuvinhphuc@gmail.com.

**Tóm tắt:** Hình ảnh khuôn mẫu (Stereotype) từ lâu đó là một chủ đề nhận được nhiều sự quan tâm từ các học giả nghiên cứu văn hoá trên toàn thế giới với rất nhiều nghiên cứu xuất bản hàng năm. Hầu hết các nghiên cứu đó chỉ ra được hình ảnh khuôn mẫu của các thành viên cùng nhóm (in-groups) về các cá nhân khác nhóm (out-groups). Tuy nhiên, trong quá trình tìm hiểu, tác giả chưa ghi nhận được một nghiên cứu nào quan tâm tới sự phản hồi của các thành viên ngoài nhóm (out-groups) đối với những hình ảnh khuôn mẫu này. Để khóa lấp chỗ trống trên, tác giả đó thực hiện nghiên cứu này trong bối cảnh văn hóa: Việt Nam - Nhật Bản. Trong nghiên cứu, tác giả đó điều tra khoảng cách giữa nhận thức của sinh viên Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội (ULIS) về hình ảnh điển hình của con người Nhật Bản và thực tế thông qua phản hồi của một nhóm sinh viên trao đổi người Nhật đang học tập tại Việt Nam. Tác giả hi vọng rằng kết quả thu được sẽ làm phong phú thêm kho tàng nghiên cứu hiện tại và mang tới một góc nhìn mới cho các học giả nghiên cứu văn hoá.

**Từ khóa:** hình ảnh khuôn mẫu; phản hồi; sinh viên ULIS; sinh viên trao đổi Nhật Bản.

## HỖ TRỢ “KHỞI NGHIỆP” NGHIÊN CỨU VÀ XUẤT BẢN QUỐC TẾ DÀNH CHO GIẢNG VIÊN TRẺ TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

**Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh**

Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội

Email: ngquynh@gmail.com

**Tóm tắt:** Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội (ULIS) đã và đang không ngừng phát triển và luôn là đơn vị hàng đầu cả nước trong đào tạo, giảng dạy và kiểm tra đánh giá ngoại ngữ, cũng như đã và đang đảm nhiệm nhiều nhiệm vụ lớn của ngành trong đổi mới dạy, học và kiểm tra đánh giá ngoại ngữ. Tuy nhiên, trong 3 ngôi sao sứ mệnh của nhà trường, ngôi sao hiện đang còn yếu sáng nhất và có nhiều khó khăn, trở ngại để cải thiện nhất là ngôi sao về nghiên cứu khoa học. Đối với nhiều giảng viên trẻ, những người hiện đang chiếm tỉ lệ lớn trong đội ngũ giảng viên của trường, thực hiện nghiên cứu khoa học độc lập, và đặc biệt là xuất bản quốc tế, thường khó khăn, thậm chí quá sức đối với họ. Dựa trên những phân tích từ tình hình thực tế của nhà trường, xuất phát từ nghiên cứu về các chiến lược được áp dụng trong thế giới động vật tự nhiên để chuyển yếu thành mạnh, tham luận này đề xuất các giải pháp theo hướng tập thể, nhóm để nhà trường hỗ trợ các giảng viên này nghiên cứu khoa học và xuất bản quốc tế.

**Từ khoá:** hỗ trợ tập thể; nghiên cứu khoa học; xuất bản quốc tế.

## MỘT SỐ Ý NGHĨA BIỂU TRƯNG TRONG TRƯỜNG TỪ VỰNG SHUI TIẾNG HÁN VÀ NƯỚC TIẾNG VIỆT

**Cầm Tú Tài, Vũ Phương Thảo**

Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội;

Email: camtutai@gmail.com.

**Tóm tắt:** Nước là một trong những nguyên tố cơ bản tạo nên thế giới và đóng một vai trò quan trọng trong quá trình tiến hóa của sự sống. Từ xưa đến nay, con người đã có những nhận thức sâu sắc về nước. Nước hàm chứa những nội hàm văn hóa dân tộc rất phong phú, do vậy, từ lâu nay giới ngôn ngữ học đã rất quan tâm đến phương thức biểu đạt cũng như nội dung ngữ nghĩa của nước. Trong khuôn khổ bài viết này, dưới góc nhìn ngữ nghĩa học và đối chiếu ngôn ngữ, chúng tôi sẽ bàn luận về nghĩa biểu trưng của trường từ vựng 水/SHUI tiếng Hán và NƯỚC tiếng Việt, nhằm làm rõ hơn mối quan hệ giữa ngôn ngữ, văn hóa, triết lý nhân sinh quan của mỗi dân tộc. Kết quả cho thấy, tiếng Hán và tiếng Việt đã căn cứ vào các thuộc tính và chức năng của nước để biểu đạt về nguồn cội, phẩm cách, tình cảm con người, môi trường, xã hội và triết lý cuộc sống, v.v... Nghĩa biểu trưng trong hai ngôn ngữ có những đặc điểm giống nhau và đồng thời cũng có những đặc điểm riêng biệt. Hy vọng kết quả nghiên cứu sẽ làm rõ hơn mối quan hệ giữa ngôn ngữ, văn hóa, triết lý nhân sinh quan của dân tộc Việt Nam và Trung Quốc, đồng thời sẽ đóng góp tài liệu tham khảo trong nghiên cứu, đối chiếu và dạy học ngôn ngữ ở Việt Nam.

**Từ khoá:** 水; nước; ý nghĩa; biểu trưng; văn hóa.



## NHẬN THỨC VỀ LIÊN VĂN HÓA VÀ ĐA VĂN HÓA TRONG DẠY VÀ HỌC TIẾNG ANH GIAO TIẾP

**Tống Hưng Tâm**

Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội; Email: thtam@hunre.edu.vn

**Tóm tắt:** Học ngôn ngữ là học văn hóa của dân tộc có ngôn ngữ đó để ứng dụng ngôn ngữ vào hoàn cảnh cụ thể một cách linh hoạt và phù hợp. Với mục tiêu khái quát về nhận thức liên văn hóa, đa văn hóa trong giảng dạy ngoại ngữ hiện nay để sử dụng và thực hành giao tiếp hiệu quả cho sinh viên tại Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, nghiên cứu tập trung phân tích xu thế toàn cầu hóa, sự đa dạng từ các nền văn hóa hội nhập, nhận thức về liên văn hóa và đa văn hóa trong giảng dạy tiếng Anh với đối tượng là sinh viên trường không chuyên. Thông qua quá trình giảng dạy, quan sát và phỏng vấn, so sánh và phân tích kết quả học tập với các hoạt động được lồng ghép trong quá trình dạy và học Tiếng Anh cơ bản của 2 lớp (80 sinh viên) năm thứ nhất tại Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội (Kỳ I năm học 2017 – 2018), nghiên cứu đã khẳng định yếu tố đa văn hóa và liên văn hóa đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao khả năng giao tiếp thành công của sinh viên với các nhiệm vụ và yêu cầu khác nhau. Bên cạnh đó, khả năng đọc hiểu, viết tóm tắt để thuyết trình trong thời gian hạn định giúp sinh viên chất lượng nội dung một cách súc tích trong thực hành tiếng. Sinh viên thực hành giao tiếp tiếng Anh với các kỹ năng cả trong và ngoài lớp học một cách trôi chảy và đạt được mục tiêu toàn khóa học.

**Từ khóa:** liên văn hóa; đa văn hóa; nhận thức; tiếng Anh giao tiếp.

## PHÂN BIỆT NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ NGHIÊN CỨU NHÂN VĂN

**Phùng Hà Thanh**

Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội;  
Email: passionatethanh@gmail.com.

**Tóm tắt:** Trong bối cảnh nghiên cứu học thuật ở Việt Nam hiện nay, khoa học xã hội dường như lấn át các ngành nhân văn. Nghiên cứu nhân văn tự nó không phải thỏa mãn các tiêu chí của nghiên cứu khoa học nhưng lại rất dễ bị đánh giá bởi các tiêu chí đó và hiểu nhầm thành công trình khoa học không đạt chuẩn. Bài viết này nhằm phân biệt hai cách tiếp cận nghiên cứu học thuật khác nhau: khoa học (xã hội) và nhân văn. Tác giả mô tả bức tranh chung về khoa học xã hội và nhân văn trong học thuật đương đại và đặt ra vấn đề công nhận, trân trọng nghiên cứu nhân văn để phát triển các lĩnh vực nghiên cứu mới như nghiên cứu quốc tế và nghiên cứu văn hóa. Tiếp theo đó, bài viết bàn về các hệ hình/trường phái nghiên cứu khoa học xã hội và phê bình những giả định cấu thành nhận thức luận khoa học xã hội. Các mô tả về nghiên cứu nhân văn được đưa ra để làm rõ rằng có những cách làm nghiên cứu khác với khoa học, có giá trị và được các cộng đồng học thuật công nhận. Tóm lại, nghiên cứu nhân văn trao niềm tin vào cảm quan của con người trong khi đó nghiên cứu khoa học dựa trên các bộ quy định được xác lập rõ ràng để tạo đồng thuận về tính đúng đắn và giá trị của nghiên cứu.

**Từ khóa:** triết học khoa học; nhân văn; quốc tế học; nghiên cứu văn hóa.

## NGHIÊN CỨU THUẬT NGỮ: MỘT CÁCH TIẾP CẬN HẬU CẤU TRÚC LUẬN

**Lê Hùng Tiến**

Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội;  
Email: letiena@yahoo.com; lhtien@vnu.edu.vn

**Tóm tắt:** Báo cáo trình bày một cách nhìn mới về thuật ngữ trong bối cảnh xã hội và ngôn ngữ hiện nay và nghiên cứu thuật ngữ hậu cấu trúc luận. Báo cáo tập trung vào những vấn đề chính:

1. Tầm quan trọng của thuật ngữ học hiện nay
2. Quan niệm mới về thuật ngữ và thuật ngữ học
3. Phương pháp nghiên cứu thuật ngữ theo cách tiếp cận hậu cấu trúc luận
4. Thuật ngữ học với một số lĩnh vực liên quan (dịch thuật, kế hoạch hóa ngôn ngữ, phân tích diễn ngôn v.v.)
5. Một số đề xuất cho việc nghiên cứu thuật ngữ học song ngữ và đa ngữ, quản lý và quy hoạch hóa thuật ngữ ở Việt Nam.

**Từ khóa:** Nghiên cứu thuật ngữ, hậu cấu trúc luận

## CHUYỂN DI NGÔN NGỮ TRONG QUÁ TRÌNH HỌC NGỮ ÂM TIẾNG NGA CỦA SINH VIÊN NGÀNH SƯ PHẠM TIẾNG ANH TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM TRUNG ƯƠNG NHA TRANG

**Lê Thị Hoài Thanh**

Trường CĐSP Trung Ương - Nha Trang;  
Email: hoaitanh2k@gmail.com.

**Tóm tắt:** Tác động của ngôn ngữ đã biết, đã học đến quá trình học ngôn ngữ mới là điều không thể tránh khỏi và là một thực tế khách quan. Tác động này diễn ra theo hướng tích cực và tiêu cực. Bài viết đề cập đến những tác động tích cực và tiêu cực trong quá trình học phát âm tiếng Nga của sinh viên tiếng Anh, đồng thời đề xuất một vài gợi ý phát huy những chuyển di tích cực và khắc phục những chuyển di tiêu cực cho người học.

**Từ khóa:** tiếng Nga; tiếng Anh; chuyển di ngôn ngữ; phát âm.

## ĐẶC TRƯNG LỢT LỜI CỦA NGƯỜI HỌC TIẾNG PHÁP TRONG CUỘC THOẠI KHÔNG CÓ NGƯỜI BẢN NGỮ

**Đỗ Kim Thành**

Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng; Email: kthanhdo@gmail.com.

**Tóm tắt:** Việc quản lý lượt lời của người Việt học tiếng Pháp được chi phối bởi các quy tắc điều phối lượt lời của người Việt bản địa và các chiến lược giao tiếp của người học ngoại ngữ. Điều đặc biệt này được giải thích là do họ chuyển di các kỹ thuật quản lý lượt lời vốn được quy định trong ngữ cảnh ngôn ngữ - văn hóa của mình sang ngữ cảnh giao tiếp bằng tiếng nước ngoài. Mặt khác, khi phương tiện giao tiếp bằng ngoại ngữ không đủ để thực hiện mục đích giao tiếp thì họ phải áp dụng các chiến lược ngôn ngữ, kèm ngôn ngữ và phi ngôn ngữ để hoàn thành cuộc thoại.

**Từ khóa:** lượt lời; chiến lược giao tiếp của người học ngoại ngữ.

## VĂN HÓA TRUNG HOA TRONG GIẢNG DẠY TIẾNG TRUNG QUỐC CHO SINH VIÊN NGOẠI NGỮ

**Đỗ Thị Thạnh**

Trường Đại học Hải Phòng;

Email: dothithanh.knn.dhhp@gmail.com.

**Tóm tắt:** Ngoại ngữ là bản thân văn hóa. Do vậy, học ngoại ngữ nào phải đi liền với học văn hóa nước đó. Như nhà ngôn ngữ học Winston Breambeck đã nói rằng: “biết một ngôn ngữ nào đó mà không hiểu văn hóa của họ thì chính là cách tốt nhất để biến mình thành một kẻ ngốc nói ngoại ngữ trôi chảy”. Khi nói đến ngôn ngữ Trung Quốc, chúng ta nghĩ ngay đến chữ Hán. Chữ Hán là một đặc trưng của văn hóa Trung Hoa. Bài viết này chủ yếu tập trung đi sâu phân tích tính hữu hiệu và sự cần thiết dạy văn hóa Trung Hoa trong lớp học Hán ngữ, đặc biệt đưa ra các phương pháp giảng dạy văn hóa Trung Hoa trong chữ Hán, ngữ nghĩa, ngữ dụng

**Từ khóa:** Dạy học chữ Hán; văn hóa Trung Hoa; sinh viên ngoại ngữ.

## KỸ THUẬT DIỄN GIẢI ĐƯỢC SỬ DỤNG TRONG BÀI VIẾT CỦA SINH VIÊN VIỆT NAM HỌC TIẾNG ANH NHƯ MỘT NGOẠI NGỮ

**Lê Hương Thảo**

Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội;

Email: lehuongthao1987@gmail.com.

**Tóm tắt:** Kỹ thuật diễn giải (paraphrasing) trong viết học thuật là một kỹ thuật quan trọng trong quá trình làm việc với văn bản gốc nói chung và quá trình tóm tắt nói riêng. Kỹ thuật này càng quan trọng hơn với sinh viên năm thứ nhất khoa Sư phạm tiếng Anh (SPTA), Trường Đại học Ngoại ngữ (Trường ĐHNN) - Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN), khi họ phải tóm tắt nhiều bài đọc học thuật trong học kỳ II. Trong bối cảnh đó, nghiên cứu này tìm hiểu cách những sinh viên này sử dụng kỹ thuật diễn giải khi tóm tắt một văn bản tiếng Anh cho trước. Cụ thể, tác giả sử dụng 27 bài tóm tắt tiếng Anh được viết trên lớp bởi một nhóm 27 sinh viên năm thứ nhất khoa SPTA Trường ĐHNN để tìm ra các cách diễn giải mà họ đã dùng khi viết tóm tắt một văn bản gốc, cũng như đánh giá hiệu quả của các cách đó. Kết quả cho thấy kỹ thuật diễn giải phổ biến nhất được nhóm sinh viên dùng là thay đổi ngữ pháp và cấu trúc câu, tiếp theo đó là sử dụng từ đồng nghĩa. Về mức độ hiệu quả, phần lớn diễn giải mà sinh viên sử dụng được đánh giá là thành công, tuy nhiên khá nhiều diễn giải dùng từ đồng nghĩa không được hiệu quả. Những kết quả này đưa ra những gợi ý về quá trình dạy viết học thuật và học từ vựng cho cả giáo viên và sinh viên ở đây.

**Từ khóa:** diễn giải; tóm tắt; tóm tắt văn bản; sử dụng từ đồng nghĩa; paraphrasing.

## KỸ NĂNG ĐỌC TRONG DẠY VÀ HỌC NGOẠI NGỮ

**Nguyễn Huy Thịnh**

Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội;

Email: Nguyenhuythinh59@gmail.com.

**Tóm tắt:** Văn hóa đọc đóng vai trò quan trọng trong quá trình hình thành nhân cách và nâng cao tri thức của mỗi người. Tuy nhiên, hiện nay tình trạng đọc của giới trẻ nói chung, kỹ năng đọc hiểu của sinh viên khoa Ngôn ngữ & Văn hóa Nga nói riêng, đang ở mức báo động. Bài báo này nhằm mục đích nêu rõ nguyên nhân từ cả hai phía: giáo viên & học sinh, và đề xuất những giải pháp khắc phục thực trạng trên.

**Từ khóa:** văn hóa đọc; kỹ năng đọc hiểu; kỹ thuật dạy đọc hiểu; loại hình đọc.

## **DAY VIẾT TIỂU LUẬN - GIẢI PHÁP VÀ KINH NGHIỆM**

**Nguyễn Phú Thọ**

Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học TP. Hồ Chí Minh (HUFLIT);

Email: ngphutho2016@gmail.com.

**Tóm tắt:** Môn Viết tiểu luận là một môn học luyện kỹ năng viết cho sinh viên đại học. Người dạy cần có kiến thức bao quát về các vấn đề nghiên cứu, phương pháp giảng dạy, hướng dẫn thực hiện, kinh nghiệm sửa lỗi viết và đánh giá bài tiểu luận của sinh viên. Người học phải có hiểu biết về đề tài, thực hiện theo sự hướng dẫn của giảng viên và hoàn thành được bài tiểu luận hiệu quả. Bài viết trình bày vai trò của môn học, nhấn mạnh các giải pháp đã áp dụng và nêu một vài kinh nghiệm giảng dạy môn học này ở Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Ngoại ngữ và Tin học TP. Hồ Chí Minh (Huflit).

**Từ khóa:** nghiên cứu; phương pháp; đánh giá; kinh nghiệm.

## **KHẢO SÁT NĂNG LỰC TỰ CHỦ TRONG HỌC NGOẠI NGỮ CỦA SINH VIÊN MỘT SỐ TRƯỜNG ĐẠI HỌC Ở HÀ NỘI**

**Đình Thị Hồng Thu**

Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội;

Email: dinhhongthu73@gmail.com.

**Tóm tắt:** Bài báo có xuất phát điểm là nhận thức được tầm quan trọng của ngoại ngữ và tính tự chủ trong học ngoại ngữ ở bậc đại học đối với sự phát triển toàn diện trong tương lai của sinh viên ngày nay. Để hiểu được thực trạng tình hình tự chủ trong học ngoại ngữ không chuyên của sinh viên, nhóm nghiên cứu chúng tôi đã tiến hành điều tra sinh viên 08 trường đại học tại Hà Nội. Phương pháp điều tra là điều tra bằng bảng hỏi kết hợp phỏng vấn và quan sát thực tế. Kết quả cho thấy, 314 sinh viên tham gia điều tra lần này có nhận thức tốt về ngoại ngữ cũng như tính tự chủ trong học ngoại ngữ với nghề nghiệp tương lai của mình. Tuy vậy, những biểu hiện cụ thể năng lực tự chủ trong học ngoại ngữ như xác định mục tiêu học, nắm được đề cương môn học, yêu cầu của giáo viên, chủ động tìm hiểu các phương pháp và vận dụng trong quá trình học, tích cực thực hành ngoại ngữ trong và ngoài giờ học... còn nhiều hạn chế, cần được cải thiện hơn nữa. Một trong những khó khăn mà sinh viên gặp phải trong quá trình tự học ngoại ngữ là thiếu phương pháp học, không gian học, học liệu, sách tham khảo, thời gian, sức khỏe...

**Từ khóa:** học ngoại ngữ; học tập tự chủ; tự học.

## **TIÊU CHÍ CHỌN NGÀNH NGÔN NGỮ ANH CỦA SINH VIÊN NĂM THỨ NHẤT TẠI MỘT SỐ TRƯỜNG ĐẠI HỌC Ở PHÍA NAM**

**Lê Thị Thu\*, Trần Thị Kim Tuyền\*\***

\* Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học, TP. Hồ Chí Minh; Email: lethucuc325@gmail.com.

\*\* Trường Đại học Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh; Email: ktuyen1979@gmail.com.

**Tóm tắt:** Từ năm 2015, kỳ thi dành cho học sinh cuối lớp 12 gồm thi tốt nghiệp Trung học phổ thông và kỳ thi Tuyển sinh vào đại học - cao đẳng được gộp thành một kỳ thi mang tên Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông quốc gia. Điểm vào đại học được xét trên điểm thi tốt nghiệp THPT. Đây là bước ngoặt trong khảo thí Việt Nam sau 12 năm thực hiện hình thức thi tuyển sinh đại học chung trên toàn quốc (từ 2002 - 2014). Những năm đầu thay đổi, bản thân người lựa chọn ngành học (theo hình thức xét tuyển) còn gặp nhiều bối rối. Trong quá trình thực hiện nghiên cứu này bằng bảng khảo sát thu thập thông tin của 255 sinh viên ở ba trường đại học tại khu vực miền Nam, chúng tôi đã tìm ra một số tiêu chí mà người học quyết định chọn ngành Ngôn ngữ Anh. Đa phần sinh viên chưa phân biệt rõ ràng giữa yêu thích tiếng Anh và tính phổ biến của ngôn ngữ này. Họ cũng chưa hiểu về ngành học, về bản thân một cách đầy đủ trước khi chọn ngành. Qua kết quả này, giảng viên sẽ có cái nhìn khái quát và hướng đến những định hướng nghề nghiệp trong quá trình giảng dạy.

**Từ khóa:** tiêu chí chọn ngành; Ngôn ngữ Anh; sinh viên năm thứ nhất.

## **ỨNG DỤNG PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC THÔNG QUA THỰC HÀNH DẠY TRONG GIỜ HỌC KHẨU NGỮ TIẾNG HÁN TRUNG CẤP**

**Nguyễn Hà Thu**

Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội; Email: thu\_x7@yahoo.com.

**Tóm tắt:** Dạy học thông qua thực hành dạy là phương pháp trong đó sinh viên sẽ thay nhau đảm nhận vai trò như một giáo viên để dạy cho các bạn trong lớp một vấn đề kiến thức nào đó dưới sự hướng dẫn của giáo viên. Trên cơ sở lý luận về phương pháp thực hành dạy, tác giả đã tiến hành thực nghiệm trong một số giờ học Khẩu ngữ tiếng Hán trung cấp. Phương pháp này đã đem lại những ưu điểm lớn nhưng cũng vẫn còn những tồn tại đáng lưu ý. Bài viết trình bày cách áp dụng phương pháp của tác giả, phân tích ưu nhược điểm và đưa ra những giải pháp khắc phục.

**Từ khóa:** phương pháp dạy học; thực hành dạy; khẩu ngữ tiếng Hán; giảng dạy tiếng Hán; tiếng Hán trung cấp.

## TỔNG QUAN VỀ GIẢNG DẠY PHÁT ÂM DƯỚI ẢNH HƯỞNG CỦA TIẾNG ANH THẾ GIỚI

**Nguyễn Thanh Thủy**

Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội;  
Email: thuy.nguyenthanhcn@gmail.com.

**Tóm tắt:** Gần đây, vấn đề “tiếng Anh thế giới” đã được đề cập trong rất nhiều các nghiên cứu về giảng dạy tiếng Anh, đặc biệt là ở các quốc gia thuộc “vòng tròn mở rộng” (Kachru, 1985). Sự mở rộng của khu vực ASEAN đã mang lại những thay đổi xã hội và kinh tế quan trọng, khiến nhu cầu giảng dạy tiếng Anh thế giới trở thành xu hướng tất yếu ở Việt Nam. Tuy nhiên việc sử dụng lồng ghép các đặc điểm của tiếng Anh thế giới vào chương trình giảng dạy chưa được thống nhất. Một trong những khía cạnh nhận được nhiều quan tâm nhất của các học giả trong lĩnh vực giảng dạy tiếng Anh như một ngoại ngữ là tầm ảnh hưởng của tiếng Anh thế giới (World Englishes) đối với việc giảng dạy phát âm. Bài nghiên cứu này nhằm tổng kết lại kết quả của những nghiên cứu đã được thực hiện về việc giảng dạy phát âm trong bối cảnh giảng dạy tiếng Anh hiện đại dưới ảnh hưởng của tiếng Anh thế giới.

**Từ khóa:** tiếng Anh thế giới; giảng dạy phát âm tiếng Anh.

## VIỆC SỬ DỤNG CHIẾN LƯỢC ĐỌC THEO MÔ HÌNH S2R TRONG ĐỌC HIỂU VĂN BẢN TIẾNG ANH THÔNG DỤNG CỦA SINH VIÊN VIỆT NAM

**Nguyễn Thị Bích Thủy**

Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thương mại. (NCS K21 Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQGHN)  
Email: bichthuy.ctet@gmail.com<?>.

**Tóm tắt:** Đọc hiểu là một trong những yếu tố quan trọng nhất trong việc học tiếng Anh của sinh viên bởi nó là cơ sở cung cấp dữ liệu cho tất cả các lĩnh vực học tập ngôn ngữ (Mikulecky, 2008). Hiệu quả của việc đọc hiểu sẽ được nâng cao khi người đọc áp dụng một cách chủ động các chiến lược phù hợp trong quá trình đọc (Brown, 1980). Bài viết này nhằm nghiên cứu việc sử dụng chiến lược đọc theo mô hình S2R của Oxford (2013) trong đọc hiểu văn bản tiếng Anh thông dụng của sinh viên Việt Nam.

**Từ khóa:** đọc tiếng Anh; đọc hiểu; chiến lược đọc hiểu; mô hình S2R.

## NHỮNG THAY ĐỔI VỀ THÁI ĐỘ VÀ SỐ LỖI TRONG BÀI VIẾT TIẾNG ANH CỦA SINH VIÊN SAU KHI ĐƯỢC SỬA HOẶC CHỈ RA LỖI

Hoàng Nguyễn Thu Trang

Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội; Email: tranghnpearl@gmail.com.

**Tóm tắt:** Ít người nghi ngờ về thời gian tiêu tốn để đưa ra phản hồi cho bài viết của học sinh, nhưng tính hiệu quả của hoạt động này còn gây nhiều tranh cãi (ví dụ Ferris, 1999, 2002, 2003, 2004, 2006, 2010 và Truscott, 1996, 1999, 2007). Tuy nhiên, những quyết định của giáo viên trên lớp không chỉ dựa vào kết quả về sự tiến bộ của người học mà cả thái độ của các em. Đây là điều mà nghiên cứu này tìm hiểu thông qua bảng hỏi trước và sau nghiên cứu, phỏng vấn bán cấu trúc và 31 bảng thống kê thời gian, số câu, số lỗi, loại lỗi trong 3 lượt viết bài của 14 học sinh ở hai nhóm: được sửa lỗi trực tiếp và được chỉ ra lỗi để tự sửa. Kết quả cho thấy trong quá trình học, mức độ chính xác trong bài viết có thể chưa ổn định và sự tiến bộ chưa thể hiện rõ rệt trong nhiều bài viết, đa số học sinh ghi nhận nỗ lực đưa ra phản hồi của giáo viên và có ý thức về hoạt động sửa lỗi bài viết của bản thân.

**Từ khóa:** bài viết; sửa lỗi; phản hồi cho bài viết.

## NGHIÊN CỨU HÀNH ĐỘNG VỀ VIỆC SỬ DỤNG DỊCH NGỮ PHÁP (DICTOGLOSS) VÀO DẠY KĨ NĂNG NGHE CHO SINH VIÊN KHÔNG CHUYÊN TIẾNG ANH TẠI ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Trần Thị Huyền Trang

Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQGHN; Email: huyentrangvnu87@gmail.com.

**Tóm tắt:** Trong giao tiếp tiếng Anh, nghe luôn là nỗi ám ảnh của SV không chuyên và có ít cơ hội tiếp xúc với môi trường nghe nói tự nhiên. Hơn thế nữa thì việc dạy nghe ở trường phổ thông vẫn luôn bị coi nhẹ. Thế nên, tìm ra một kĩ thuật dạy nghe hiệu quả cho SV không chuyên hệ chất lượng cao tại Đại học Quốc gia Hà Nội là một vấn đề cấp thiết. Nghiên cứu hành động này được thực hiện để tìm hiểu những khó khăn trong khi nghe của SV và nguyên nhân của những khó khăn này; giới thiệu chi tiết cách áp dụng phương pháp Dịch ngữ pháp (Dictogloss) vào lớp học; và thực nghiệm tính hiệu quả của phương pháp này. Nghiên cứu đã được thử nghiệm trên 35 SV năm đầu tiên của chương trình chất lượng cao tại Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội. Dữ liệu được thu thập bằng bài kiểm tra trước và sau khóa học, bảng câu hỏi và phỏng vấn. Dữ liệu ban đầu cho thấy rằng nguyên nhân SV nghe kém có thể do họ đã sử dụng không đúng các chiến lược nghe và cũng không có sự tự tin và hào hứng trong lớp học. Do đó, nhà nghiên cứu đã tiến hành nghiên cứu hành động, trong đó Dictogloss được thực hiện trong tất cả các bài học nghe cả kì của SV. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra rằng SV không chỉ cải thiện kĩ năng nghe hiểu mà còn có thái độ tích cực hơn đối với bài học nghe và có tiến bộ trong cả những kĩ năng khác.

**Từ khóa:** dictogloss; viết chính tả; dạy nghe hiểu; nghe-ghi chép.



## **DẠY HỌC NGỮ PHÁP GIAI ĐOẠN SƠ CẤP TẠI KHOA NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA TRUNG QUỐC - TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ, ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**

**Hoàng Thị Thu Trang**

Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội; Email: trangkienda@yahoo.com.

**Tóm tắt:** *Ngữ pháp là một trong ba bình diện của một ngôn ngữ. Vì ngữ pháp có khả năng truyền đạt sinh động nhất phương thức tư duy của mỗi dân tộc thể hiện qua cấu trúc ngôn ngữ, cho nên dạy học ngữ pháp từ trước đến nay luôn được coi là nội dung quan trọng nhất trong dạy học ngôn ngữ nói chung và ngoại ngữ nói riêng. Bài viết sử dụng các phương pháp và thủ pháp nghiên cứu như khảo sát, phân tích, đối chiếu so sánh, tiến hành khảo sát một số vấn đề thực tiễn trong dạy học ngữ pháp tiếng Hán giai đoạn sơ cấp ở khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Trung Quốc, Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội. Trên cơ sở đó đưa ra một số kiến nghị nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy.*

**Từ khóa:** *dạy học ngữ pháp; sơ cấp; tiếng Hán; sinh viên Việt Nam.*

## **VAI TRÒ CỦA QUẢNG CÁO CÔNG ÍCH VỚI SỰ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI VIỆT NAM**

**Lê Thị Thu Trang**

Trường Đại học Hùng Vương; Email: Thutrangalz@gmail.com.

**Tóm tắt:** *Quảng cáo công ích là một phần không thể thiếu trong sự nghiệp công ích xã hội, là loại hình quảng cáo phi thương mại, được tạo ra vì lợi ích cộng đồng, vì sự phát triển văn hóa, đạo đức của xã hội. Tôn chỉ của quảng cáo công ích là "vì lợi ích chung của cộng đồng xã hội", là hình thức tuyên truyền đơn giản, rõ ràng, dễ đi vào lòng người. Thông qua các hình thức tuyên truyền như pano, áp phích, phương tiện thông tin đại chúng để giáo dục về tư tưởng, hành vi, cử chỉ, ngôn ngữ cho mọi người, bên cạnh đó quảng cáo công ích còn có tác dụng trong việc kêu gọi cộng đồng xã hội ủng hộ, thực hiện những hành động cao cả, ý nghĩa, làm cho xã hội tốt đẹp hơn. Nó có vai trò hết sức quan trọng với sự phát triển của xã hội Việt Nam.*

**Từ khóa:** *quảng cáo công ích; quan trọng; phát triển xã hội.*

## THẨM ĐỊNH KHUNG NĂNG LỰC ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ DÀNH CHO GIÁNG VIÊN TIẾNG ANH

**Đoàn Thị Thu Trang**

Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc Gia Hà Nội;

Email: tailieu.trangdoan@gmail.com

**Tóm tắt:** Trong bối cảnh cải cách giáo dục tại Việt Nam, nâng cao chất lượng giảng dạy ngoại ngữ các cấp đã và đang nhận được rất nhiều sự quan tâm của toàn xã hội. Để thực hiện mục tiêu này, một trong những điều kiện tiên quyết là giáo viên hoàn thiện năng lực đánh giá năng lực ngoại ngữ của học sinh. Tuy nhiên, chưa có nhiều nghiên cứu hệ thống về vấn đề này tại Việt Nam, một trong số ít đề tài nghiên cứu đó là *Building an assessment competence framework for ELT in-service teachers in Vietnam* của tác giả Dương, T.M & Phạm, T.H. (2013). Khung năng lực này áp dụng mô hình tư duy của Singer (2006) xây dựng chi tiết 5 năng lực đánh giá cùng các tiêu chí nội hàm, từ đó người sử dụng có thể tưởng tượng ra rõ ràng nhất về việc cần làm gì để đạt được mức độ năng lực mong muốn. Xem xét tính hữu dụng của khung năng lực đánh giá ngoại ngữ của Dương, T.M & Phạm, T.H. (2013), nghiên cứu này đặt mục tiêu thẩm định khung năng lực này thông qua phỏng vấn 6 giảng viên đồng thời là chuyên gia về đánh giá ngoại ngữ. Kết quả thẩm định sẽ giúp nghiên cứu trở thành một nguồn tư liệu bồi dưỡng chuyên môn về kiểm tra đánh giá cho giáo viên tiếng Anh cấp đại học tại Việt Nam.

**Từ khóa:** năng lực đánh giá; khung đánh giá năng lực ngoại ngữ; giảng viên tiếng Anh.

## NGÔN NGỮ VÀ GIỌNG ĐIỆU TẠO DỰNG CÁI ĐẸP THIÊN NHIÊN VÀ CÁI ĐẸP CON NGƯỜI TRONG TRUYỆN NGẮN NGUYỄN TUÂN

**Nguyễn Hoàng Phương Trinh\*, Nguyễn Ngọc Chinh\*\***

\* Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng; Email: trinhnhp212@gmail.com.

\*\* Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng; Email: nnchinh@ufl.udn.vn.

**Tóm tắt:** Cái đẹp luôn là nhu cầu vô tận, là khát khao vươn tới của con người. Và khi sáng tạo thì nghệ sĩ nào cũng nỗ lực trong việc thành tạo nên những trang viết với những “nghĩa đẹp” riêng, đa màu sắc, diện mạo. Nguyễn Tuân - một nghệ sĩ lạ lùng với sứ mệnh suốt đời đi tìm cái đẹp. Đưa cái đẹp lên bệ phóng ngôn từ một cách rạng rỡ nhất, Nguyễn Tuân đem đến cho truyện ngắn của mình một thế giới nghệ thuật đặc sắc, in đậm cá tính sáng tạo của một cây bút tài năng. Bài báo này khảo sát cách sử dụng ngôn ngữ, giọng điệu để tạo thành cái đẹp thiên nhiên và cái đẹp con người trong ba truyện ngắn của Nguyễn Tuân trước 1945 trên các văn bản: - *Cuốn Yêu ngôn* (NXB Hội Nhà văn, 1998); - *Cuốn Chữ người tử tù* (NXB Văn học, 2008) và *Cuốn Vàng bóng một thời* (NXB Nhã Nam, 2014).

**Từ khóa:** ngôn ngữ và giọng điệu; cái đẹp thiên nhiên; cái đẹp con người; truyện ngắn, Nguyễn Tuân.

## NHAN ĐỀ TÁC PHẨM TRONG CÁC SÁNG TÁC CỦA NGUYỄN NGỌC TƯ

Nguyễn Thanh Tuấn\*, Nguyễn Ngọc Chính\*\*

\* Trường Đại học Sư phạm, Đà Nẵng; Email: nttuan2804@gmail.com.

\*\* Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng; Email: nnchinh@ufl.udn.vn.

**Tóm tắt:** Trong văn chương của nhà văn Nguyễn Ngọc Tư, nhan đề tác phẩm luôn là một thách thức lớn dành cho người đọc. Đó không chỉ là tên gọi của một tác phẩm nói riêng mà còn mang trong mình những giá trị riêng biệt của văn học nói chung. Với bài báo này, chúng tôi đã khảo sát và đưa ra những nhận định của mình về nhan đề tác phẩm của Nguyễn Ngọc Tư ở các khía cạnh sau: cấu tạo và nội dung phản ánh; đặc điểm và ý nghĩa của nhan đề đối với văn chương Nguyễn Ngọc Tư. Từ đó, mới thấy được điểm nổi bật về giá trị đặc biệt của các nhan đề mà nhà văn Nguyễn Ngọc Tư đã chọn lựa để thay mặt cho các tác phẩm và chính cá nhân của mình. Đồng thời một phần nào đó cũng giúp cho người đọc có cái nhìn khái quát hơn về nhan đề tác phẩm đối với văn chương.

**Từ khóa:** nhan đề; tác phẩm văn chương; Nguyễn Ngọc Tư.

## Ý NGHĨA ẨN DỤ CỦA TỪ “吃” TRONG TIẾNG HÁN VÀ TỪ “ĂN” TRONG TIẾNG VIỆT

Phạm Thị Minh Tường

Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội; Email: mingxiang1980@yahoo.com.

**Tóm tắt:** Ẩn dụ không chỉ là một trong những thủ pháp tu từ biểu đạt trong văn học, cũng là lấy kinh nghiệm cơ bản làm cơ sở phương thức tri nhận. Ẩn dụ trong ngôn ngữ phản ánh đặc điểm tư duy và hành vi của con người. Ý nghĩa ẩn dụ của từ “吃”/ “ăn” trong ngôn ngữ tồn tại một cách phổ biến, trong tiếng Hán và tiếng Việt đặc biệt phong phú. Bài viết nghiên cứu ý nghĩa ẩn dụ của từ “吃” và từ “ăn” trong tiếng Hán và tiếng Việt làm đối tượng nghiên cứu, dựa trên lý luận ẩn dụ làm chủ đạo, từ đó dưới góc độ ngôn ngữ học tri nhận và góc độ văn hóa, cụ thể phân tích ý nghĩa ẩn dụ từ “吃” trong tiếng Hán, sau đó tiến hành so sánh với tiếng Việt. Thông qua đó sẽ hiểu được ý nghĩa của ẩn dụ, nội hàm ẩn dụ, đồng thời chỉ ra điểm giống nhau và khác nhau về ý nghĩa ẩn dụ của từ “吃” và từ “ăn” trong hai ngôn ngữ.

**Từ khóa:** 吃 “ăn”; Ẩn dụ; tiếng Hán; tiếng Việt.

## SƠ ĐỒ TƯ DUY - CÔNG CỤ TẠO ĐỘNG LỰC CHO GIÁO SINH SỰ PHẠM NGOẠI NGỮ Ở MÔN HỌC PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH

**Nguyễn Thị Thanh Vân**

Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội; Email: thvanvnu@yahoo.com.

**Tóm tắt:** Phương pháp giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành (ESP) là một môn học mới trong chương trình đào tạo sự phạm tiếng Anh ở trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQGHN. Mục tiêu chính của môn học này là nhằm trang bị cho sinh viên ngành sự phạm tiếng Anh những lý thuyết, phương pháp và kỹ năng giảng dạy ESP. Để đạt mục tiêu này, những phương pháp do chính giảng viên áp dụng để dạy môn học này đóng vai trò quan trọng vì những phương pháp đó cung cấp những hình mẫu thực tế cho những giảng viên tương lai này về dạy ESP. Trên tinh thần đó, bài viết này báo cáo về đánh giá hiệu quả sử dụng sơ đồ tư duy để thuyết trình nội dung của các mô đun trong chương trình học như một công cụ tăng động cơ học tập cho sinh viên. Để phục vụ cho đánh giá này, tác giả đã thực hiện khảo sát phản hồi của sinh viên sau khi áp dụng hoạt động này trong giảng dạy. Kết quả khảo sát cho thấy những sinh viên cảm thấy có động lực hơn khi tham gia học môn học này.

**Từ khóa:** sơ đồ tư duy; đào tạo giáo sinh sự phạm ngoại ngữ; phương pháp giảng dạy Tiếng Anh Chuyên ngành; động lực học tập

## BÀN VỀ ỨNG DỤNG MÔ HÌNH “LỚP HỌC ĐẢO NGƯỢC” TRONG GIẢNG DẠY NGOẠI NGỮ THỨ HAI - TIẾNG TRUNG QUỐC

**Lưu Hón Vũ**

Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh; Email: luuhonvu@gmail.com.

**Tóm tắt:** Mô hình “lớp học đảo ngược” là mô hình giảng dạy rất được quan tâm trong những năm gần đây. Song, việc nghiên cứu và ứng dụng mô hình “lớp học đảo ngược” trong giảng dạy ngoại ngữ thứ hai - tiếng Trung Quốc vẫn chưa nhiều. Bài viết tập trung phân tích và thảo luận các vấn đề xoay quanh việc ứng dụng mô hình giảng dạy “lớp học đảo ngược” vào giảng dạy ngoại ngữ thứ hai - tiếng Trung Quốc.

**Từ khóa:** lớp học đảo ngược; giảng dạy ngoại ngữ thứ hai; tiếng Trung Quốc; ứng dụng.

## ỨNG DỤNG PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU HÀNH ĐỘNG VÀO HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC NHẪM NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIẢNG DẠY MÔN TIẾNG TRUNG QUỐC TỔNG HỢP

**Trần Khai Xuân, Phạm Ngọc Đăng**

Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh;

Email: loixuan1@gmail.com; phamngocdang186@gmail.com.

**Tóm tắt:** Định tính và định lượng là hai phương pháp nghiên cứu khoa học được áp dụng phổ biến hiện nay. Việc tiến hành nghiên cứu bằng hai phương pháp trên đòi hỏi giáo viên đầu tư một lượng lớn thời gian và công sức để thực hiện. Do công tác giảng dạy chiếm phần lớn thời gian làm việc, giáo viên có quỹ thời gian dành cho nghiên cứu của giáo viên rất hạn hẹp. Tìm chọn phương pháp nghiên cứu khoa học phù hợp để giáo viên vừa nghiên cứu khoa học vừa đảm bảo công tác giảng dạy luôn là điều chúng tôi trăn trở. Nghiên cứu hành động là phương pháp nghiên cứu sử dụng thực tiễn để làm tiền đề nghiên cứu, tiến đến cải thiện hành động bằng phương thức phù hợp và đúc kết báo cáo kết quả. Bài viết giới thiệu khái niệm, bước tiến hành cùng ví dụ minh họa của phương pháp nghiên cứu hành động trong trường học để độc giả có cái nhìn rõ hơn về phương pháp này, nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng giảng dạy, đáp ứng đòi hỏi ngày càng cao của xã hội.

**Từ khóa:** nghiên cứu hành động; hoạt động dạy học; môn Tiếng Trung Quốc tổng hợp.

## HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC RÈN KĨ NĂNG VIẾT THEO CÁC BẬC NHẬN THỨC CỦA TƯ DUY (CHO NGƯỜI HỌC TIẾNG HÀN TRÌNH ĐỘ SƠ CẤP 1)

**Hoàng Thị Yến, Nguyễn Thanh Hoa**

Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội;

Email: hoangyen70@gmail.com.

**Tóm tắt:** Bài viết thử nghiệm hướng vận dụng lí thuyết về các bậc nhận thức trong phân loại tư duy vào thực tiễn rèn kĩ năng viết cho người học tiếng Hàn ở trình độ sơ cấp 1. Chúng tôi phân loại tư duy thành 4 bậc nhận thức cơ bản: Hiểu - Vận dụng - Đánh giá - Sáng tạo. Hiểu được xác định ở giai đoạn trước khi viết như một điều kiện tiên quyết, là vốn tri thức nền về ngôn ngữ và văn hóa - xã hội của người học. Các hoạt động dạy - học rèn kĩ năng viết được bắt đầu từ giai đoạn thứ 2: Vận dụng - Đánh giá - Sáng tạo. Người học vận dụng những cái đã biết, đã hiểu để viết câu/đoạn/bài văn tương tự. Hoạt động phân tích là cơ sở hay giai đoạn đầu có tính chất tiền đề để người học đánh giá. Trong giai đoạn này, người học cần xác định ưu khuyết điểm của văn bản, định hướng để chỉnh sửa, hoàn thiện theo yêu cầu của nhiệm vụ học... Trên cơ sở kế thừa vốn kiến thức và kĩ năng được tổng hợp, tích lũy, người học thực hiện các hoạt động viết sáng tạo nhằm mở rộng đoạn văn có sẵn, viết câu hoặc đoạn văn ít nhiều có nét riêng đặc trưng, viết bài văn cùng chủ đề có nét mới sáng tạo.

**Từ khóa:** kĩ năng viết; vận dụng; đánh giá; sáng tạo; tiếng Hàn sơ cấp 1.

## TÍNH HIỆU QUẢ CỦA VIỆC THỰC HÀNH TỔ CHỨC SỰ KIỆN TRONG MÔN HỌC TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH 1 ĐỐI VỚI SINH VIÊN NGÀNH BIÊN PHIÊN DỊCH

**Nguyễn Thị Bạch Yến**

Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học thành phố Hồ Chí Minh

Email: whitecanary79@gmail.com

**Tóm tắt:** Bài viết nghiên cứu về tính hiệu quả của việc thực hành tổ chức sự kiện quốc tế Summit trong môn học Tiếng Anh Chuyên ngành 1 đối với sinh viên ngành Biên phiên dịch thuộc trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh (HUFLIT). Người viết nhấn mạnh phương pháp giảng dạy lấy người học làm trung tâm thông qua việc để sinh viên tự chủ trong việc tổ chức sự kiện quốc tế “giả định” tại lớp học, trong đó sinh viên sẽ hóa thân thành các nguyên thủ quốc gia, doanh nhân, trợ lý, thông dịch viên nhằm vận dụng kiến thức về tiếng Anh chuyên ngành Kinh thương vào môi trường biên phiên dịch thực tế. Kết quả thế nào? Hiệu quả đến đâu? Cần tóm lược ở đây.



NHÀ XUẤT BẢN

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

16 Hàng Chuối – Hai Bà Trưng- Hà Nội

Giám đốc – Tổng Biên tập: (024)39715011

Hành chính: (024)39714899; Fax: (024)39724736

Quản lý xuất bản: (024) 39728806

Biên tập: (024) 39714896

Chịu trách nhiệm xuất bản: Giám đốc – Tổng Biên tập: TS. PHẠM THỊ TRÂM

Biên tập chuyên ngành: Phan Hải Như - Tống Thị Thanh Huyền

Biên tập xuất bản: Nguyễn Thị Thu Quỳnh - Trịnh Thị Thu Hà

Chế bản: Đỗ Thị Hồng Sâm

Trình bày bìa: Nguyễn Văn Nam

Đối tác liên kết: Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội

SÁCH LIÊN KẾT

---

**KỶ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC GIA 2018**  
**NGHIÊN CỨU VÀ GIẢNG DẠY NGOẠI NGỮ, NGÔN NGỮ & QUỐC TẾ HỌC TẠI VIỆT NAM**

---

Mã số: 2L - 72 ĐH2018

In 150 cuốn, khổ A4 cm tại Công ty Cổ phần In và Thương mại Ngọc Hưng

Địa chỉ: Số 32, ngõ 97 thôn Đình Thôn, P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội

Số xác nhận ĐKXB: 750-2018/CXBIPH/02-83 /ĐHQGHN, ngày 09/3/2018

Quyết định xuất bản số: 462 LK-XH/QĐ - NXB ĐHQGHN, ngày 04/4/2018

In xong và nộp lưu chiểu năm 2018.